

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU**  
**KHOA KINH TẾ BIỂN – LOGISTICS**

---



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Đề tài:**

**HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM  
TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID – 19 VÀ GIẢI PHÁP  
HỒI PHỤC, PHÁT TRIỂN**

Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng  
Chuyên ngành : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ngô Thị Tuyết  
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Ngọc Dương  
MSSV : 19034704  
Lớp : DH19LG2

*Bà Rịa - Vũng Tàu, năm 2022*

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**  
**ĐỒ ÁN/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**I. Thông tin chung**

- Họ và tên giảng viên hướng dẫn:

.....

Học hàm, học vị: ..... Chuyên ngành:

.....

Đơn vị công tác:

.....

- Họ và tên sinh viên: ..... MSSV:

.....

Lớp: ..... Khoa:

.....

Tên đề tài:

.....

.....

.....

- Tổng quát về ĐA/KLTN:

+ Số trang: .....

Số chương: .....

+ Số bảng số liệu: .....

Số hình vẽ: .....

+ Số tài liệu tham khảo: .....

**II. Nhận xét về ĐA/KLTN**

2.1. Nhận xét về hình thức:

.....

.....

.....

.....

2.2. Tính cấp thiết của đề tài:

.....

.....  
.....  
.....  
2.3. Mục tiêu và nội dung:

.....  
.....  
.....  
.....  
2.4. Tổng quan tài liệu:

.....  
.....  
.....  
.....  
2.5. Phương pháp nghiên cứu:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
2.6. Các kết quả nghiên cứu đạt được:

.....  
.....  
.....  
.....  
2.7. Trích dẫn tài liệu:

.....  
.....  
.....  
.....  
2.8. Kết luận và đề nghị:

2.8. Tính sáng tạo và ứng dụng:

.....

.....

.....

.....

2.9. Các vấn đề cần bổ sung, chỉnh sửa:

.....

.....

.....

.....

**III. Phần nhận xét tinh thần và thái độ làm việc của sinh viên**

.....

.....

**IV. Đánh giá**

1. Đồ án/khóa luận tốt nghiệp đạt/chưa đạt yêu cầu: .....

2. Đề nghị: Được bảo vệ:

Không được bảo vệ:

**Điểm:** ...../10 (làm tròn đến một chữ số thập phân)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN**  
**ĐỒ ÁN/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**I. Thông tin chung**

- Họ và tên giảng viên phản biện:

.....

Học hàm, học vị: ..... Chuyên ngành:

.....

Đơn vị công tác:

.....

- Họ và tên sinh viên: ..... MSSV:

.....

Lớp: ..... Khoa:

.....

Tên đề tài:

.....

.....

.....

- Tổng quát về ĐA/KLTN:

+ Số trang: .....

Số chương: .....

+ Số bảng số liệu: .....

Số hình vẽ: .....

+ Số tài liệu tham khảo: .....

**II. Nhận xét về ĐA/KLTN**

2.1. Nhận xét về hình thức:

.....

.....

.....

.....

2.2. Tính cấp thiết của đề tài:

.....

.....  
.....  
.....  
2.3. Mục tiêu và nội dung:

.....  
.....  
.....  
2.4. Tổng quan tài liệu:

.....  
.....  
.....  
2.5. Phương pháp nghiên cứu:

.....  
.....  
.....  
2.6. Các kết quả nghiên cứu đạt được:

.....  
.....  
.....  
2.7. Trích dẫn tài liệu:

.....  
.....  
.....  
2.8. Kết luận và đề nghị:



## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn tốt nghiệp này là do tôi nghiên cứu và dưới sự hướng dẫn của cô Ngô Thị Tuyết. Những vấn đề, số liệu thông tin có trong luận văn đảm bảo có sự chính xác và trung thực nhất. Các tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Người cam đoan

**Nguyễn Thị Ngọc Dương**



## LỜI CẢM ƠN

Thưa thầy cô, thưa mọi người, quá trình hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp luôn là một giai đoạn vô cùng quan trọng đối với sinh viên chúng em. Bài luận văn này chính là tiền đề giúp trang bị thêm kiến thức và kỹ năng để chúng em có thể tự tin hơn khi bước vào đời lập nghiệp.

Đầu tiên, em xin chân thành cảm ơn các quý thầy cô Khoa Kinh tế Biển – Logistics, trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu. Đặc biệt là cô Ngô Thị Tuyết đã luôn tận tình hướng dẫn và chỉ dạy em không chỉ ở trong bài luận văn tốt nghiệp mà còn trong suốt 4 năm học tập dưới mái trường này.

Những đóng góp của cô có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với bài luận văn của em, bên cạnh đó còn là hành trang tiếp bước cho em trong cả quãng đường dài sau này.

Lời cuối cùng, em xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến gia đình, bố mẹ, và bạn bè, những người đã luôn sẵn sàng chia sẻ và hỗ trợ nhau cả trong học tập và cuộc sống.

Xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người!

# MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	ii
LỜI CẢM ƠN.....	ix
MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	iv
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH.....	v
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU.....	3
1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu .....	3
1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của hoạt động xuất nhập khẩu .....	4
1.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của xuất khẩu .....	4
1.2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của nhập khẩu .....	5
1.3. Vai trò.....	6
1.4. Các yếu tố tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu .....	8
1.4.1. Các yếu tố tác động đến xuất khẩu .....	8
1.4.2. Các yếu tố tác động đến nhập khẩu.....	9
1.5. Các loại hình xuất nhập khẩu .....	11
1.5.1. Xuất nhập khẩu trực tiếp .....	11
1.5.2. Xuất nhập khẩu ủy thác .....	11
1.5.3. Xuất nhập khẩu tái xuất .....	12
1.5.4. Xuất nhập khẩu tại chỗ.....	12
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRƯỚC VÀ SAU ĐẠI DỊCH COVID – 19 .....	13
2.1. Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam trước đại dịch COVID - 19.....	13
2.1.1. Tổng quan về xuất nhập khẩu 2019 .....	14
2.2. Xuất nhập khẩu Việt Nam sau COVID – 19.....	18
2.2.1. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020 .....	18
2.2.2. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2021 .....	36
2.2.3. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2022 .....	47
CHƯƠNG III: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CHO XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.....	58
3.1. Các thách thức.....	58
3.2. Cơ hội .....	59

<b>CHƯƠNG IV: GIẢI PHÁP PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU SAU ĐẠI DỊCH COVID - 19 .....</b>	<b>62</b>
<b>4.1. Mục tiêu.....</b>	<b>62</b>
<b>4.2. Các giải pháp phục hồi và phát triển hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sau đại dịch COVID – 19 .....</b>	<b>64</b>
<i>4.2.1. Các giải pháp từ phía cơ quan quản lý và Nhà nước .....</i>	<i>64</i>
<i>4.2.2. Các giải pháp cho doanh nghiệp .....</i>	<i>67</i>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>70</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>71</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>BOE</b>	Bank of England	Ngân hàng Trung ương của Vương quốc Anh
<b>COVID – 19</b>	Coronavirus disease 2019	Dịch bệnh virus Corona 2019
<b>CPI</b>	Consumer Price Index	Chỉ số giá tiêu dùng
<b>CPTPP</b>	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
<b>EVFTA</b>	European-Vietnam Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - EU
<b>FDI</b>	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>GDP</b>	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>IMF</b>	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
<b>OECD</b>	Organization for Economic Cooperation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
<b>OPEC</b>	Organization of Petroleum Exporting Countries	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>STT</b>	<b>TÊN BẢNG</b>	<b>TRANG</b>
1	Bảng 2.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam từ 2015 – 2019	15
2	Bảng 2.2: Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa sang các thị trường chủ lực của Việt Nam năm 2019	19
3	Bảng 2.3: Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020	23
4	Bảng 2.4: Kim ngạch xuất nhập khẩu các thị trường chủ yếu của Việt Nam năm 2020	31
5	Bảng 2.5: Xuất khẩu sang thị trường châu Á năm 2020	34
6	Bảng 2.6: Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2021	46
7	Bảng 2.7 : Các mặt hàng xuất khẩu chính năm 2021	48
8	Bảng 2.8: Trị giá các mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ năm 2022	61

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH

### Danh mục biểu đồ

<b>STT</b>	<b>TÊN BIỂU ĐỒ</b>	<b>TRANG</b>
<b>1</b>	Biểu đồ 2.1: Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực 2019	17
<b>2</b>	Biểu đồ 2.2: Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2019	19
<b>3</b>	Biểu đồ 2.3: Tỷ trọng xuất nhập khẩu sang các thị trường của Việt Nam năm 2019	23
<b>4</b>	Biểu đồ 2.4: Xuất nhập khẩu Việt Nam 2019 – 2020	24
<b>5</b>	Biểu đồ 2.5: Top 10 mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất năm 2020	26
<b>6</b>	Biểu đồ 2.6: Top 10 mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất 2020	28
<b>7</b>	Biểu đồ 2.7: Tỷ trọng phần trăm xuất nhập khẩu tại các khu vực thị trường của Việt Nam năm 202	31
<b>8</b>	Biểu đồ 2.8: Cơ cấu hàng nhập khẩu năm 2021	49
<b>9</b>	Biểu đồ 2.9: Xuất khẩu sang các thị trường lớn của Việt Nam năm 2021	50
<b>10</b>	Biểu đồ 2.10: Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2022 phân theo nhóm hàng	62

### Danh mục hình ảnh

<b>STT</b>	<b>HÌNH ẢNH</b>	<b>TRANG</b>
<b>1</b>	Hình 2.1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam sang các khu vực thị trường châu Á năm 2020	33
<b>2</b>	Hình 2.2: Cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa sang Châu Á của Việt Nam năm 2020	35
<b>3</b>	Hình 2.3. Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 2022	63

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã có sự thay đổi mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Hoạt động xuất nhập khẩu giúp tăng dự trữ ngoại tệ, cải thiện cán cân thanh toán, tăng thu cho ngân sách nhà nước, kích thích đổi mới công nghệ, tiếp cận được với những hình thức kinh doanh mới, tạo thêm công ăn việc làm, tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa nội và ngoại nhập, nâng cao mức sống người dân, góp phần rút ngắn khoảng cách kinh tế của Việt Nam với các quốc gia phát triển trên thế giới.

Việc các hiệp định thương mại tự do (FTA) đang dần được thực thi toàn diện hơn, hiệu quả hơn sẽ tạo thuận lợi để hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào các thị trường tiềm năng với mức thuế quan ưu đãi.

Bên cạnh đó, giá hàng hóa xuất khẩu đang có chiều hướng tăng, nhất là các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam, đây là động lực quan trọng để gia tăng giá trị xuất khẩu của Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay hoạt động xuất nhập khẩu cũng đang bị tác động bởi rất nhiều yếu tố như: Đại dịch COVID-19, xu thế bảo hộ thương mại, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu... Thực tế này đặt ra yêu cầu, Việt Nam cần có thêm giải pháp để vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng được những thời cơ mới.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu kịp thời những biến động trong hoạt động xuất nhập khẩu là một việc vô cùng quan trọng và cần thiết trong thời điểm hiện nay, từ đó có thể chuẩn bị tốt hơn cho những bước đi tiếp theo.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích chính của khoá luận này là nghiên cứu hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, so sánh hoạt động xuất nhập khẩu giữa giai đoạn trước và sau đại dịch COVID - 19, từ đó đánh giá những tác động của đại dịch đối với hoạt động xuất nhập khẩu. Tiếp đó, kiến nghị một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa những cơ hội mới và hạn chế

những tác động tiêu cực do đại dịch COVID – 19 đem đến cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

Với mục đích trên, phạm vi nghiên cứu của đề tài không chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu mà còn đi sâu vào phân tích, đánh giá những tác động của đại dịch COVID – 19 đối với hoạt động này. Đối tượng nghiên cứu tập trung chủ yếu vào hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam, và thời gian nghiên cứu là từ năm 2020 đến nay.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Khoá luận sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh - đối chiếu, phương pháp diễn giải – quy nạp... Bên cạnh đó, khoá luận còn sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thư viện và trên internet.

### **5. Nội dung đề tài**

Khoá luận được chia thành 4 phần chính:

Chương I: Cơ sở lý luận về hoạt động xuất nhập khẩu

Chương II: Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam trước và sau đại dịch COVID – 19

Chương III: Thách thức và cơ hội cho xuất nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới

Chương IV: Giải pháp phục hồi và phát triển hoạt động xuất nhập khẩu sau đại dịch COVID - 19



## CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

### 1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu

#### ❖ *Khái niệm*

Theo *Từ điển bách khoa toàn thư*, xuất khẩu là việc bán hàng hoặc dịch vụ ra thị trường nước ngoài; gồm hai loại hình: xuất khẩu hàng hoá hay còn gọi là xuất khẩu hữu hình và xuất khẩu dịch vụ (cho thuê tàu, bảo hiểm, ngân hàng, du lịch, chuyển giao công nghệ...) hay còn gọi là xuất khẩu vô hình.

Còn nhập khẩu là việc đưa hàng hoá từ nước ngoài vào nước mình; cùng với xuất khẩu, tạo thành cán cân thương mại của một quốc gia. Nhập khẩu có thể được chia thành hai loại: nhập khẩu hàng hoá hay còn gọi là nhập khẩu hữu hình và nhập khẩu dịch vụ (thuê tàu, bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, du lịch quốc tế, mua quyền sở hữu công nghiệp của nước ngoài) hay còn gọi là nhập khẩu vô hình.

Theo *Luật Thương mại Việt Nam 2005 (điều 28)*, xuất khẩu hàng hoá là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ của Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật. Nhập khẩu hàng hoá là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Theo *Giáo trình kinh tế ngoại thương* (Trường đại học ngoại thương - 2006), xuất khẩu là việc bán hàng hoá và dịch vụ cho nước ngoài, và nhập khẩu là việc mua hàng hoá và dịch vụ của nước ngoài.

Tóm lại, nói một cách khái quát, xuất nhập khẩu là việc đưa hàng hoá hoặc dịch vụ ra hoặc vào Việt Nam, và được chia làm hai loại cơ bản là xuất nhập khẩu hữu hình và xuất nhập khẩu vô hình. Như vậy, xuất nhập khẩu chỉ là một bộ phận trong hoạt động thương mại vì “thương mại”, theo định nghĩa của Luật Thương mại Việt Nam 2005, là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lời khác.

## ❖ *Đặc điểm*

Xuất khẩu thể hiện sự kết hợp chặt chẽ và tối ưu các ngành khoa học quản lý với các nghệ thuật kinh doanh, giữa nghệ thuật kinh doanh với các yếu tố khác của mỗi quốc gia như như yếu tố về pháp luật và các yếu tố về kinh tế văn hoá. Hoạt động xuất khẩu nhằm khai thác lợi thế so sánh của từng nước, khai thác các nguồn lực cho phát triển, góp phần cải thiện đời sống nhân dân gia tăng tiến bộ xã hội và góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế thế giới và quốc tế hoá. Lợi thế so sánh đó là các lợi thế về vị trí địa lý, về lao động, về tài nguyên và sở hữu phát minh sáng chế. Hiện nay hoạt động xuất khẩu của nước ta một trong những mục tiêu cấp bách hàng đầu được chú trọng. Bởi nó đem lại lợi ích vô cùng to lớn cho sự phát triển của nước ta, tạo sự thuận lợi cho giao lưu quốc tế, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế văn hoá của mỗi quốc gia.

Nhập khẩu cũng là một hoạt động diễn ra giữa hai hay nhiều quốc gia khác nhau ở trong các điều kiện môi trường và bối cảnh khác nhau. Nhập khẩu tác động một cách trực tiếp và quyết định đến sản xuất kinh tế, đời sống của mỗi người trong mỗi một quốc gia. Nhập khẩu là để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ tiên tiến hiện đại cho sản xuất và các hàng hoá tiêu dùng mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không hiệu quả.

Mỗi một nước đều có một thế mạnh khác nhau, có thể tự sản xuất ra nhiều loại hàng hoá khác nhau nhưng không thể không có sự trao đổi hàng hoá với các quốc gia khác. Một quốc gia muốn phát triển được thì phải có một nền kinh tế mở, thực hiện giao lưu trao đổi hàng hoá với các nước khác mà cụ thể ở đây là phải thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu.

## **1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của hoạt động xuất nhập khẩu**

### **1.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của xuất khẩu**

#### ❖ *Mục tiêu của xuất khẩu*

Một doanh nghiệp có thể kinh doanh xuất nhập khẩu đơn giản chỉ vì lợi nhuận nhờ lợi thế trao đổi giữa các quốc gia. Một quốc gia, trong một giai đoạn nào đó, có thể thông qua xuất khẩu để trả nợ, để mua vũ khí hoặc để thực hiện các mục đích ngoại giao.

Tuy nhiên, đối với một nền kinh tế, đó là mục tiêu dài hạn, nó không phải là mục tiêu trước mắt và cũng không đơn thuần chỉ là thu lợi nhuận. Mục tiêu quan trọng nhất của xuất khẩu đối với một nền kinh tế là đáp ứng được các nhu cầu của nền kinh tế đó, chẳng hạn như tạo công ăn việc làm, tăng dự trữ ngoại tệ, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế...

❖ *Nhiệm vụ của xuất khẩu*

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên thì hoạt động xuất khẩu phải hướng vào thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tận dụng, khai thác triệt để và hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước như tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực...

- Nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu bằng cách tăng cường đầu tư chiều sâu để tăng nhanh khối lượng và kim ngạch xuất khẩu, đồng thời nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh hàng hoá trên thị trường thế giới.

- Tạo ra những mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu chủ lực đáp ứng những đòi hỏi của thị trường thế giới về chất lượng và số lượng, có sức hấp dẫn và có khả năng cạnh tranh cao.

- Mở rộng thị trường, đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu đồng thời tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tiếp cận và thâm nhập thị trường mới tại khu vực và trên thế giới.

### **1.2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của nhập khẩu**

❖ *Mục tiêu nhập khẩu*

Nhập khẩu đồng nghĩa với việc hàng hoá nước ngoài sẽ thâm nhập vào thị trường nội địa và cạnh tranh với hàng hoá trong nước. Do đó, với việc hạn chế nhập khẩu hoặc nhập khẩu có chọn lọc, một quốc gia có thể giảm bớt sự cạnh tranh của hàng hoá nhập khẩu với hàng hoá nội địa, từ đó bảo hộ một số ngành sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, đối với một số mặt hàng, nhập khẩu sẽ thuận tiện và rẻ hơn so với tự sản xuất trong nước. Nhưng không thể vì thế mà ỷ lại vào nhập khẩu, vì như vậy chính là đã gián tiếp bóp chết nền sản xuất trong nước. Chính vì thế, mục tiêu quan trọng của nhập khẩu là vừa phải bảo vệ có mức độ những ngành sản xuất nội địa còn non kém, vừa phải đảm bảo nhập khẩu ở một mức độ hợp lý để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong

nước nâng cao năng lực sản xuất của mình để cạnh tranh với hàng nhập khẩu, đồng thời để đẩy mạnh xuất khẩu.

Đối với Việt Nam, việc nhập khẩu đóng vai trò quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đang thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mục tiêu của nhập khẩu lúc này là phải ưu tiên nhập khẩu thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại, phù hợp với điều kiện và trình độ của Việt Nam.

Đồng thời, nhập khẩu cũng phải hết sức chọn lọc, tiếp thu những công nghệ tiên tiến hiện đại, tránh trường hợp chi phí thấp mà nhập khẩu những công nghệ đã quá cũ và lạc hậu, bởi những công nghệ như vậy sẽ không sử dụng được bao lâu thì đã phải thay thế.

❖ *Nhiệm vụ nhập khẩu*

- Sử dụng nguồn vốn dành cho nhập khẩu phải hết sức tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên dành ngoại tệ cho nhập vật tư và nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng, từ đó giảm thiểu nhu cầu nhập khẩu, phát triển sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

- Ưu tiên nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cho tăng trưởng xuất khẩu.

- Nhập khẩu phải bảo đảm hộ chính đáng cho sản xuất nội địa, đồng thời tạo tạo điều kiện để sản xuất trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh đối với hàng nhập khẩu.

### **1.3. Vai trò**

Xuất nhập khẩu là hoạt động cơ bản của nền kinh tế quốc dân, là công cụ thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu được thể hiện ở các mặt sau:

❖ *Đối với hoạt động xuất khẩu*

Xuất khẩu tạo nguồn vốn chủ yếu cho nhập khẩu phục vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Nguồn ngoại tệ quan trọng nhất chi dùng cho nhập khẩu chính là từ xuất khẩu.

Hoạt động xuất khẩu đóng góp vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển. Xuất khẩu tạo điều kiện cho các ngành khác phát triển thuận lợi. Chẳng hạn, khi phát triển ngành dệt xuất khẩu sẽ tạo cơ hội đầy đủ cho việc phát triển ngành sản xuất nguyên liệu như bông hoặc thuốc nhuộm... Mặt khác sẽ kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp chế tạo phục vụ nó. Xuất khẩu tạo khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và ổn định, tạo điều kiện mở rộng khả năng cung cấp đầu vào cho sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất trong nước.

Xuất khẩu tạo ra những tiền đề kinh tế kỹ thuật nhằm cải tạo và năng lực sản xuất trong nước thông qua việc thu hút vốn, kỹ thuật, công nghệ từ các nước phát triển nhằm hiện đại hoá nền kinh tế đất nước tạo ra một năng lực sản xuất mới.

Thông qua xuất khẩu, hàng hoá của Việt Nam sẽ tham gia vào cuộc cạnh tranh trên thị trường thế giới về giá cả và chất lượng. Cuộc cạnh tranh này đòi hỏi chúng ta phải tổ chức lại sản xuất, hình thành được cơ cấu sản xuất thích nghi được với mọi thị trường. Việc xuất khẩu các sản phẩm hàng hoá qua các thị trường quốc tế phải cần một lượng lớn nhân công để sản xuất và hoạt động nhập khẩu thu về một lượng ngoại tệ đáng kể để nhập khẩu vật phẩm tiêu dùng phục vụ đời sống và đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của nhân dân. Do vậy, xuất khẩu tác động đến giải quyết công an việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

Xuất khẩu là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta. Xuất khẩu là một hình thức của kinh tế đối ngoại, điều này giúp nền kinh tế nước ta gắn chặt với nền kinh tế thế giới và tham gia vào phân công lao động quốc tế, thông qua xuất khẩu và các quan hệ đối ngoại mà hiện nay nước ta đã thiết lập mối quan hệ thương mại với hơn 140 nước trên thế giới, ký các hiệp định thương mại với hơn 70 nước là thành viên của tổ chức kinh tế của thế giới và khu vực.

#### ❖ *Đối với hoạt động nhập khẩu*

Nhập khẩu cho phép bổ sung kịp thời những mặt mắt cân đối của nền kinh tế, đảm bảo một sự phát triển cân đối và ổn định. Khai thác đến mức tối đa tiềm năng và khả năng kinh tế. Sản xuất trong nước phải học tập, nghiên cứu và đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng để cạnh tranh với hàng nhập.

Thông qua nhập khẩu các thiết bị máy móc được trang bị hiện đại, bổ sung nguyên vật liệu đảm bảo đầu vào cho sản xuất, từ đó tạo việc làm cho người lao động, góp phần cải thiện và nâng cao mức sống của nhân dân.

Nhập khẩu góp phần thúc đẩy xuất khẩu do có nguyên liệu và máy móc để sản xuất hàng xuất khẩu. Từ đó, thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tóm lại, hoạt động xuất nhập khẩu có vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế của đất nước. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, đang tiến trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì hoạt động xuất nhập khẩu là hoạt động kinh tế đối ngoại đặc biệt quan trọng. Hơn hai mươi năm qua, với nhiều chủ trương và chính sách của Đảng và nhà nước, các mối quan hệ ngày càng mở rộng và phát triển, kim ngạch xuất khẩu ngày càng gia tăng tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu các ngành kinh tế của ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

#### **1.4. Các yếu tố tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu**

##### **1.4.1. Các yếu tố tác động đến xuất khẩu**

###### **❖ Yếu tố kinh tế**

Yếu tố thị trường tác động rất lớn đến các hoạt động xuất khẩu. Việc lựa chọn đúng đắn thị trường cho xuất khẩu là một nhân tố đòi hỏi phải tính toán dự báo chính xác thị trường đó phải là thị trường tiềm năng có triển vọng trong tương lai. Các yếu tố đối tác trong nhân tố kinh tế là một nhân tố quan trọng, nó là đầu mối để lưu thông sản phẩm hàng hoá trên thị trường. Do vậy, việc thiết lập mối quan hệ tốt hay tìm hiểu kỹ đối tác đem lại lợi ích to lớn cho hoạt động xuất khẩu.

Các chính sách quốc gia, quốc tế ảnh hưởng to lớn đến hoạt động xuất khẩu. Khi mối quan hệ kinh tế với các đối tác không còn thuận lợi thì sẽ có các chính sách hạn ngạch xuất khẩu làm cho việc xuất khẩu trở nên khó khăn hơn.

Hàng hoá xuất khẩu của nước ta phải chịu rất nhiều sức ép từ các phía. Do vậy, để tồn tại và phát triển ở nước ngoài thì các sản phẩm xuất khẩu của nước ta phải được người tiêu dùng chấp nhận và có tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế.

❖ *Yếu tố khoa học và công nghệ*

Việc xuất khẩu hàng hoá sang thị trường ngoài nước đòi hỏi các sản phẩm của nước ta phải có một đặc tính riêng biệt và có thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại trên thị trường nước bạn và của các nước khác nhập vào. Để tạo ra được tính ưu việt, các nhà xuất khẩu phải không ngừng đổi mới đầu tư trang thiết bị, khoa học công nghệ cho dây chuyền sản xuất để ngày càng đổi mới sản phẩm, thích nghi với nhu cầu đa dạng phong phú của người tiêu dùng là nước ngoài. Do vậy, nhân tố khoa học công nghệ ảnh hưởng quyết định đến mức tiêu thụ sản phẩm và việc đáp ứng nhu cầu thị trường cả về số lượng và chất lượng.

❖ *Yếu tố chính trị, xã hội và quân sự*

Sự ổn định hay không ổn định về chính trị xã hội cũng là nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Hệ thống chính trị, các quan điểm chính trị, xã hội đều tác động trực tiếp đến phạm vi lĩnh vực và các đối tác kinh doanh. Mặt khác xung đột giữa các quốc gia dẫn đến sự thay đổi lớn về các chính sách kinh tế, chính trị quân sự. Từ đó, tạo nên hàng rào ngăn cản hoạt động kinh doanh quốc tế, đặc biệt là xuất khẩu.

❖ *Yếu tố liên minh, liên kết về kinh tế, chính trị*

Việc mở rộng ngoại giao, hình thành các khối liên kết quốc tế, chính trị, quân sự góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên. Tăng cường tích cực tiến hành ký kết với các quốc gia ngoài khối những hiệp định, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh phát triển. Từ đó, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu giữa các nước.

**1.4.2. Các yếu tố tác động đến nhập khẩu**

❖ *Yếu tố về vốn vật chất hay sức mạnh về tài chính*

Vốn là yếu tố tác động lớn nhất đến hoạt động nhập khẩu của nước ta, nếu không có vốn thì hoạt động nhập khẩu không thể diễn ra được. Nguồn sức mạnh tài chính sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu diễn ra dễ dàng hơn.

#### ❖ *Các chính sách của chính phủ*

Chính sách của chính phủ có tác động không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động nhập khẩu. Chính sách bảo hộ nền sản xuất trong nước và khuyến khích thay thế hàng nhập khẩu đã làm giảm hiệu quả kinh doanh của các nhà nhập khẩu muốn thu lợi nhuận qua việc bán hàng nhập khẩu trong nước nhưng góp phần mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao, tạo công an việc làm cho người lao động và khuyến khích các nhà sản xuất trong nước phát huy hết được khả năng của mình.

#### ❖ *Thuế nhập khẩu*

Thuế nhập khẩu là một loại thuế đánh vào mỗi đơn vị hàng hoá hoặc tính theo phần trăm đối với tổng giá trị hàng hoá hay là kết hợp cả hai cách nói trên đối với hàng xuất khẩu. Thuế nhập khẩu nhằm bảo vệ và phát triển sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng trong nước và góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên thuế nhập khẩu làm cho giá bán trong nước của hàng nhập khẩu cao hơn mức giá nhập và chính người tiêu dùng trong nước phải chịu thuế này.

#### ❖ *Yếu tố về hạn ngạch nhập khẩu*

Hạn ngạch nhập khẩu là quy định của nhà nước nhằm hạn chế nhập khẩu về số lượng hoặc giá trị một số hàng nhất định hoặc từ những thị trường nhất định trong một khoảng thời gian thường là một năm. Việc áp dụng biện pháp quản lý nhập khẩu bằng hạn ngạch của nhà nước nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, sử dụng hiệu quả quỹ ngoại tệ, đảm bảo các cam kết của chính phủ ta với nước ngoài.

#### ❖ *Tỉ giá hối đoái*

Các phương tiện thanh toán quốc tế được mua và bán trên thị trường hối đoái bằng tiền tệ quốc gia của một nước theo một giá cả nhất định, vì vậy giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng một số đơn vị tiền tệ của nước kia gọi là tỉ giá hối đoái. Việc áp dụng loại tỉ giá hối đoái nào, cao hay thấp đến ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu. Việc phá giá đồng nội tệ hay chính là tỉ giá hối đoái cao lên sẽ có tác dụng khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu. Ngược lại, tỉ giá hối đoái thấp sẽ hạn chế xuất khẩu và đẩy mạnh nhập khẩu.



### ❖ *Yếu tố văn hoá, thị hiếu của mỗi quốc gia*

Trên thế giới có nhiều nền văn hóa khác nhau và mỗi quốc gia có một phong tục tập quán khác nhau. Mỗi quốc gia sẽ nhập khẩu hàng hoá để bổ sung thay thế cho việc tiêu dùng hoặc nhập khẩu để tiếp tục sản xuất các loại hàng hoá phù hợp với nhu cầu và thị hiếu trong một giai đoạn nhất định của một dân cư. Việc nghiên cứu văn hoá, thị hiếu sẽ quyết định kết quả hiệu quả của hoạt động xuất nhập khẩu của từng quốc gia.

## **1.5. Các loại hình xuất nhập khẩu**

Trên thị trường quốc tế, các nhà kinh doanh giao dịch trao đổi với những cách khác nhau. Tựu chung lại, có một số loại hình xuất nhập khẩu phổ biến như sau:

### ***1.5.1. Xuất nhập khẩu trực tiếp***

Trong hình thức xuất nhập khẩu này, hai bên mua bán hàng hóa sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng ngoại thương. Hợp đồng ký kết giữa hai bên phải phù hợp với luật lệ của quốc gia cũng như thông lệ mua bán quốc tế. Hình thức xuất nhập khẩu trực tiếp thích hợp đối với gần như mọi loại hình doanh nghiệp, giúp họ chủ động được hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp mình. Xuất khẩu trực tiếp cũng là sự lựa chọn tối ưu của các doanh nghiệp đang muốn khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế.

### ***1.5.2. Xuất nhập khẩu ủy thác***

Xuất nhập khẩu ủy thác hay còn được gọi là xuất nhập khẩu gián tiếp. Với hình thức này, bên cung cấp hàng hóa sẽ ủy thác cho một đơn vị khác gọi là bên nhận ủy thác để tiến hành xuất khẩu trên danh nghĩa của bên nhận ủy thác.

Để thực hiện hình thức xuất nhập khẩu này, doanh nghiệp nhận ủy thác cần ký kết hợp đồng xuất khẩu ủy thác với đơn vị trong nước. Bên nhận ủy thác sẽ ký kết hợp đồng xuất khẩu, giao hàng và thanh toán đối với đơn vị nước ngoài và cuối cùng là nhận phí ủy thác xuất khẩu từ chủ hàng đã ủy thác xuất khẩu.

Thông thường, các doanh nghiệp chưa có đủ thông tin cần thiết về thị trường nước ngoài, hay có quy mô kinh doanh còn nhỏ, nguồn lực hạn chế hoặc chịu nhiều rào cản từ phía nhà nước sẽ áp dụng hình thức xuất khẩu này.

### **1.5.3. Xuất nhập khẩu tái xuất**

Đây là hình thức thực hiện xuất khẩu trở lại sang nước mua khác những hàng hóa đã mua ở nước ngoài nhưng chưa qua chế biến ở nước tái xuất. Mục đích của việc thực hiện giao dịch tái xuất khẩu là mua hàng hóa ở nước này rồi bán hàng hóa với giá cao hơn cho nước khác và thu về lợi nhuận.

Hoạt động tái xuất khẩu được chia làm 2 hình thức: hình thức tạm nhập – tái xuất và hình thức chuyển khẩu.

- ❖ *Hình thức tạm nhập – tái xuất*: Mua hàng hóa của một nước và bán cho nước khác trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại thương, làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào, sau đó làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa mà không qua gia công, chế biến.
- ❖ *Hình thức chuyển khẩu*: Hàng hóa chuyển khẩu được chia thành 2 loại. Một là hàng hóa sau khi nhập cảnh được phép vận chuyển đến một địa điểm hải quan khác làm thủ tục hải quan nhập khẩu. Hai là hàng hóa ở nơi vận chuyển ban đầu đã làm thủ tục hải quan xuất khẩu vận chuyển đến một nơi xuất cảnh, do hải quan nơi xuất cảnh giám sát, quản lý và thông quan.

### **1.5.4. Xuất nhập khẩu tại chỗ**

Xuất khẩu tại chỗ là hình thức các lô hàng được bán cho thương nhân nước ngoài nhưng lại được giao đến một đơn vị ở trong nước theo sự chỉ định của thương nhân nước ngoài đó. Doanh nghiệp xuất khẩu có thể là doanh nghiệp trong nước và cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Hình thức xuất nhập khẩu này phổ biến với nhiều doanh nghiệp nhờ những lợi ích mà nó mang lại: Tiết kiệm chi phí và thời gian vận tải cho các doanh nghiệp, hưởng nhiều ưu đãi về thuế suất,...

## CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRƯỚC VÀ SAU ĐẠI DỊCH COVID – 19

Đại dịch COVID-19 gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả quốc gia, hiện vẫn diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Việt Nam là một quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng, cũng chịu nhiều tác động của dịch bệnh COVID-19. Mặc dù nước ta đã có sự kiểm soát dịch bệnh thành công bước đầu, nhưng COVID-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng sản xuất và lưu thông hàng hóa, một số ngành như: xuất, nhập khẩu, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, y tế, giáo dục, lao động, việc làm bị tác động trực tiếp; nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô, v.v.

### 2.1. Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam trước đại dịch COVID - 19

*Bảng 2.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam từ 2015 – 2019*

Năm	Xuất khẩu (tỷ USD)	Nhập khẩu (tỷ USD)	Tổng kim ngạch (tỷ USD)	Tăng/Giảm giá trị so với năm trước (%)
2015	162,11	165,65	327,76	10
2016	176,63	174,11	350,74	7,1
2017	214,02	211,1	425,12	21
2018	243,48	236,69	480,17	12,2
2019	264,19	253,07	517,26	7,6

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Hải quan*

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2015 cả nước đạt 327,76 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2014; trong đó, xuất khẩu hàng hóa đạt 162,11 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2014 và nhập khẩu hàng hóa là 165,65 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2014.

Cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 3,54 tỷ USD (tương đương khoảng 2,2% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước) và ngược lại so với xu hướng thặng

đư 2,37 tỷ USD của năm 2014. Năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước có sự tăng trưởng ấn tượng khi đạt 350,74 tỷ USD.

Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 176,63 tỷ USD, tăng 9% (tương ứng tăng gần 14,52 tỷ USD) so với năm 2015; nhập khẩu đạt hơn 174,11 tỷ USD, tăng 5,2% (tương ứng tăng hơn 8,46 tỷ USD) so với năm 2015. Đặc biệt, năm 2016 cũng là năm Việt Nam đạt tỷ lệ xuất siêu cao, ở mức 2,52 tỷ USD.

Năm 2017, tổng trị giá xuất nhập khẩu tiếp tục tăng, đạt 425,12 tỷ USD, tăng 21% (tương ứng khoảng 73,74 tỷ USD) so với năm 2016. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu đạt 214,02 tỷ USD, tăng 21,2% (tương ứng tăng 37,44 tỷ USD); tổng trị giá nhập khẩu đạt 211,1 tỷ USD, tăng 21% (tương ứng tăng 36,3 tỷ USD) so với năm 2016.

Năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% (tương ứng tăng 52,05 tỷ USD) so với năm 2017. Trong đó, xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%.

Tính chung, cán cân thương mại của Việt Nam trong năm 2018 thặng dư 6,8 tỷ USD, cao gấp 3,2 lần so với mức thặng dư của năm 2017. Năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước lần đầu tiên cán mốc 500 tỷ USD (đạt 517,26 tỷ USD, tăng 7,6%, tương ứng tăng 36,69 tỷ USD) so với năm 2018.

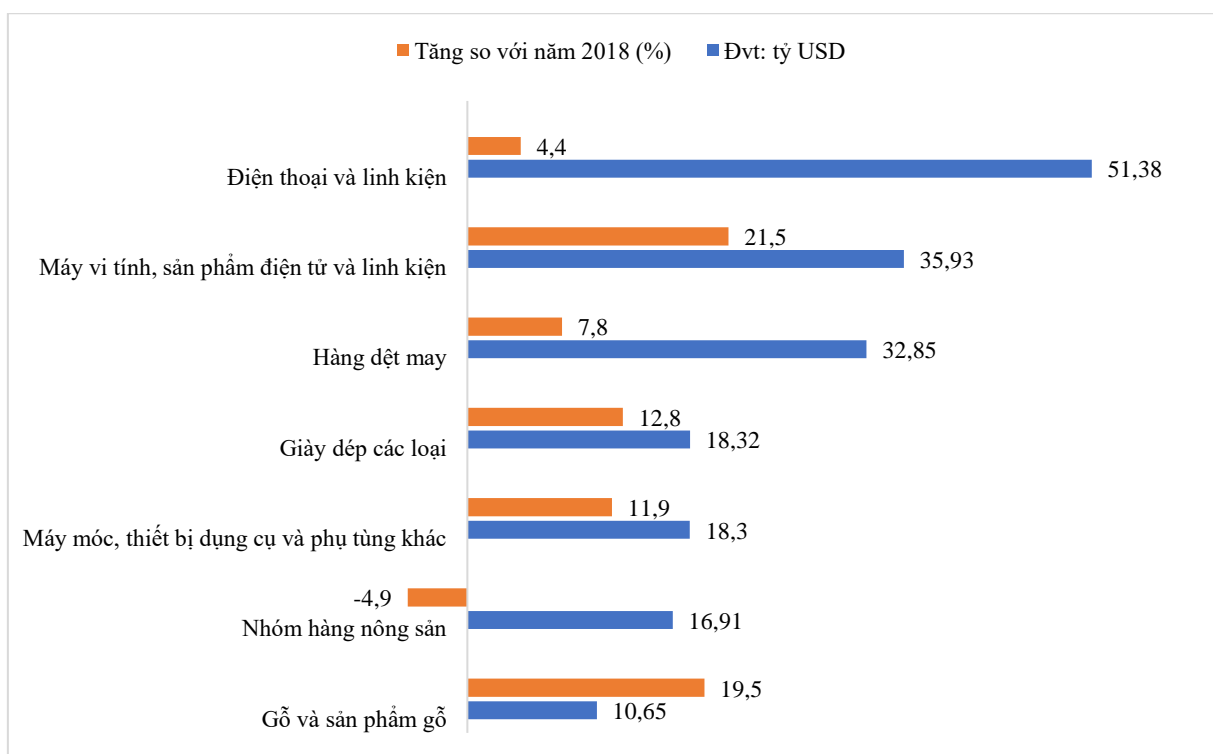
Trong đó, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 264,19 tỷ USD, tăng 8,4% và nhập khẩu đạt 253,07 tỷ USD, tăng 6,8%. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng khi Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội trong hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng xuất nhập khẩu, đóng góp nguồn lực cho Ngân sách Nhà nước và nền kinh tế cũng như cộng đồng doanh nghiệp để ứng phó đại dịch COVID-19 trong những năm sau tiếp theo.

Nhìn chung, giai đoạn 2015-2019, hoạt động xuất nhập khẩu cả nước luôn đạt mức tăng trưởng cao qua từng năm. Trong giai đoạn này, cơ cấu hàng xuất khẩu đã đảm bảo đúng mục tiêu đề ra tại Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

### **2.1.1. Tổng quan về xuất nhập khẩu 2019**

#### **❖ Nhóm hàng xuất khẩu chính**

Biểu đồ 2.1: Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực 2019



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Một số mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực như: Điện thoại các loại và linh kiện, máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện, hàng dệt may, giày dép, gỗ và các sản phẩm gỗ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá và có mức đóng góp lớn vào tăng trưởng xuất khẩu năm 2019.

Về cơ cấu xuất khẩu, có xu hướng thay đổi tích cực trong nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiêu thủ công nghiệp, tỷ trọng kim ngạch tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm 2018, từ 37,2% năm 2018 lên 38,3% năm 2019.

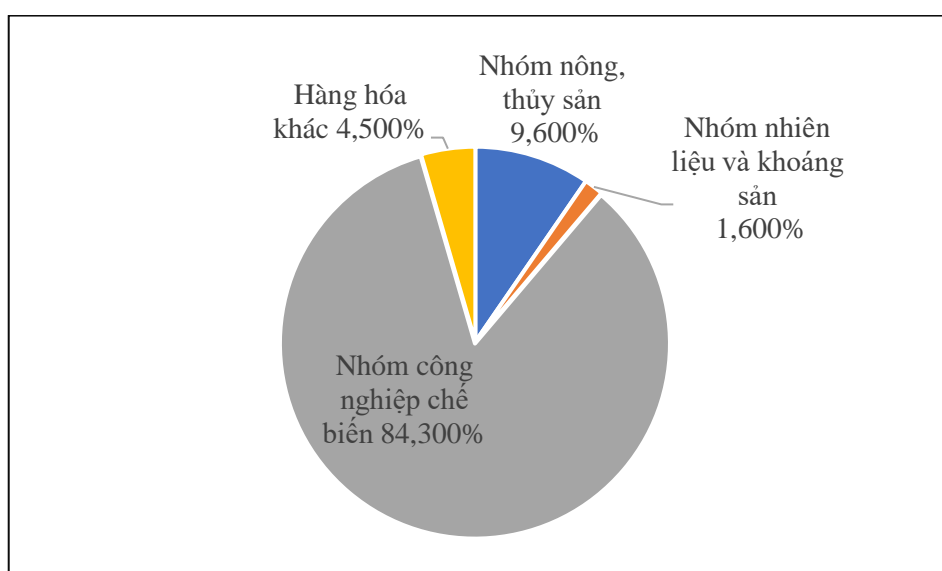
Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chuyển dịch theo chiều hướng tích cực. Năm 2019, tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản giảm xuống còn 1,6% (từ 1,9% năm 2018) và nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng lên 84,3% (từ 82,9% năm 2018). Các mặt hàng có đóng góp lớn vào mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 là điện thoại và các loại linh kiện đạt 51,38 tỷ USD (tăng 4,4%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 35,93 tỷ USD (tăng 21,5%); hàng dệt may đạt 32,85 tỷ USD (tăng 7,8%); giày, dép đạt 18,32 tỷ USD (tăng 12,8%); máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng đạt 18,3 tỷ USD (tăng 11,9%) .

❖ *Nhóm hàng nhập khẩu chính*

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2019, cả nước ghi nhận 37 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm tới 90,6% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Trong số này, có 4 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 45,8%, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 51,6 tỷ USD, chiếm 20,3%, tăng 19,5% so với năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 36,6 tỷ USD, tăng 11,4%; điện thoại và linh kiện đạt 14,7 tỷ USD, giảm 7,9%; vải đạt 13,3 tỷ USD, tăng 4,4%; sắt thép đạt 9,5 tỷ USD, giảm 4,2%; chất dẻo đạt 9 tỷ USD, giảm 0,8%; ô tô đạt 7,4 tỷ USD, tăng 37,3%.

Biểu đồ 2.2: Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2019



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu năm 2019, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 231,2 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm trước và chiếm 91,2% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu, giảm 0,3% so với năm 2018, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 111,7 tỷ USD, tăng 9,9%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 119,5 tỷ USD, tăng 3,8% và nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 22,3 tỷ USD, tăng 10,8%.

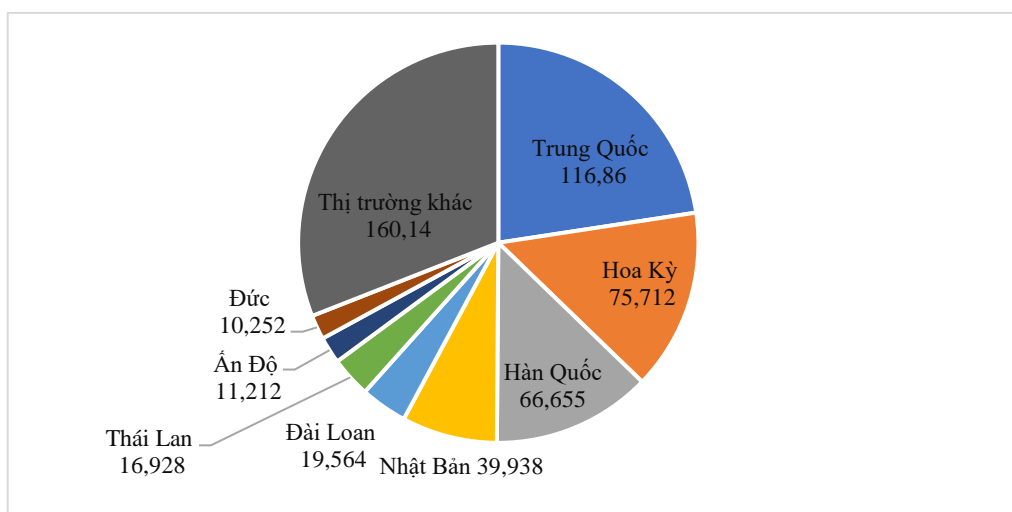
❖ *Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu*

Bảng 2.2: Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa sang các thị trường chủ lực của Việt Nam năm 2019

	<b>Xuất khẩu</b> (tỷ USD)	<b>Nhập khẩu</b> (tỷ USD)
<b>Trung Quốc</b>	41,41	<b>75,45</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	<b>61,347</b>	14,365
<b>Hàn Quốc</b>	19,72	46,935
<b>Nhật Bản</b>	20,413	19,525
<b>Đài Loan</b>	4,391	15,173
<b>Thái Lan</b>	5,272	11,656
<b>Ấn Độ</b>	6,674	4,538
<b>Đức</b>	6,555	6,555

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Thống kê*

Biểu đồ 2.3: Tỷ trọng xuất nhập khẩu sang các thị trường của Việt Nam năm 2019



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Thống kê*

Từ bảng và biểu đồ trên có thể thấy, châu Á đang là khu vực chiếm ưu thế áp đảo với 6 thị trường xuất nhập khẩu lớn của Việt Nam.

Điều này cũng dễ hiểu và phù hợp khi châu Á đang là châu lục có quan hệ ngoại thương lớn nhất của Việt Nam, chiếm đến 65,4% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả

nước trong cùng thời điểm. Trong đó, lĩnh vực xuất khẩu chiếm thị phần 51,3% và nhập khẩu chiếm đến 80,2%.

Trong 8 thị trường lớn nêu trên, Việt Nam xuất siêu ở 4 thị trường (Hoa Kỳ, Đức, Ấn Độ, Nhật Bản) và nhập siêu ở 4 thị trường còn lại.

## **2.2. Xuất nhập khẩu Việt Nam sau COVID – 19**

### **2.2.1. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020**

#### **2.1.1.1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2020**

Năm 2020 khép lại với nhiều biến động và thách thức to lớn chưa từng có trong lịch sử, đem đến nhiều hệ lụy và tác động đa chiều, đa lĩnh vực ở tầm toàn cầu, đồng thời được dự báo có thể còn kéo dài trong nhiều năm tới. Dưới tác động của đại dịch COVID-19, gam màu xám nổi lên ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực trong bức tranh toàn cảnh thế giới năm 2020. Dịch COVID-19 tác động tới mọi mặt của kinh tế thế giới.

#### **- Kinh tế toàn cầu suy giảm trên diện rộng**

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 sụt giảm sâu nhất kể từ cuộc đại suy thoái 1929 - 1930. Theo Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), GDP toàn cầu năm 2020 sụt giảm 4,2% so với năm 2019. Năm 2020, phần lớn các nền kinh tế, khu vực kinh tế trên toàn cầu đều tăng trưởng âm, ngoại trừ Trung Quốc, Ai Cập, Việt Nam. Kinh tế Mỹ suy giảm 3,5% trong năm 2020. Đối với đầu tàu kinh tế thứ hai của thế giới là Trung Quốc, mặc dù ít bị ảnh hưởng hơn nhưng cũng chỉ đạt mức tăng trưởng 2,3% - là mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) cũng suy giảm 7,3%, ở mức rất thấp và chưa có dấu hiệu hồi phục.

#### **- Đứt gãy chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng và xu hướng dịch chuyển đầu tư**

Các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch COVID-19 bùng phát đã khiến thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, dẫn tới làn sóng phá sản của doanh nghiệp khắp thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực hàng không, du lịch, bán lẻ...



Lần đầu tiên, vì sự đứt gãy đột ngột của chuỗi cung ứng toàn cầu mà hiện tượng khan hiếm hàng hóa đã xảy ra trên toàn thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất ô tô, thiết bị y tế... Trước tình hình này, các nước đã đa dạng hóa đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh nội địa hóa và khu vực hóa nhằm ngăn chặn rủi ro, đảm bảo sự ổn định cho chuỗi cung ứng.

Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng diễn ra nhằm giảm sự lệ thuộc vào một “mắt xích”, tăng tính an toàn cho hệ thống, kèm theo đó là các lợi ích của mỗi quốc gia. Dịch COVID-19 và xung đột thương mại Mỹ - Trung được ví như “chất xúc tác” đẩy nhanh xu hướng chuyển hoạt động sản xuất sang các nước khác hoặc đưa về trong nước để khai thác lợi thế về chi phí, lao động hay dịch vụ hậu cần.

*- Thị trường hàng hóa, tài chính biến động mạnh*

Lần đầu tiên trong lịch sử, giá dầu thô giảm xuống mức âm, chạm đáy vào tháng 04/2020. Giá vàng thế giới cũng lần đầu tiên vượt ngưỡng 2.000 USD/ounce. Giá vàng duy trì đà tăng giá và lập kỷ lục mới trong bối cảnh hàng loạt nền kinh tế lớn của thế giới gần như đóng băng vì đại dịch COVID-19. Mức giá cao kỷ lục của vàng phản ánh tâm lý lo lắng của giới đầu tư và kinh doanh toàn cầu.

Trong đại dịch, mặc dù các hoạt động kinh tế đã suy giảm nhưng đồng USD tiếp tục tăng giá, kéo dài liên tục trong 4 tháng đầu năm 2020. Diễn biến tăng của đồng USD là nhờ các chính sách hỗ trợ nền kinh tế quyết liệt của Hoa Kỳ, nhu cầu đầu tư tài sản an toàn gia tăng và đặc biệt là sự thiếu hụt tạm thời về đồng USD trong lưu thông do nhu cầu nắm giữ tiền mặt gia tăng đột biến trong bối cảnh Hoa Kỳ và các nước lớn đang cân nhắc để thông qua các gói hỗ trợ kinh tế lớn.

*- Thương mại toàn cầu thu hẹp mạnh*

Xu hướng suy yếu của hoạt động thương mại toàn cầu xuất hiện trong cả hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu ở phần lớn các quốc gia trên thế giới khi nhu cầu về hàng hóa, nguyên liệu sản xuất giảm mạnh và các chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn. Triển vọng thương mại u ám hơn tại các nước phụ thuộc vào xuất khẩu và hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, những nước xuất khẩu dầu mỏ cũng chịu cú sốc mạnh khi giá dầu giảm trong nửa đầu năm 2020.

### 2.2.1.2. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2020

Năm 2020, Việt Nam đã đạt được “mục tiêu kép” vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa quyết liệt phòng, chống dịch COVID-19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cả năm 2020 đạt 2,91%. Đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng xét dưới tác động chung của đại dịch COVID-19, kết quả này là tương đối ấn tượng khi so sánh với các quốc gia trong cùng khu vực và trên thế giới có tăng trưởng GDP âm hoặc không tăng trưởng. Nhờ đạt được sự cân bằng giữa việc duy trì hoạt động kinh tế và kiểm soát được sự lây lan của dịch bệnh, Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế có sức chống chịu thuộc nhóm tốt nhất khu vực và thế giới về khả năng duy trì tăng trưởng.

#### ❖ Về tình hình xuất nhập khẩu

Bảng 2.3: Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020

	Năm 2020 (tỷ USD)	Tăng/Giảm so với năm 2019 (%)
Tổng kim ngạch	543.9	5,1
Kim ngạch xuất khẩu	281.5	6,5
Kim ngạch nhập khẩu	262.4	3,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 2.4: Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam 2019 – 2020



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78,2 tỷ USD, giảm 1,1%, chiếm 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 203,3 tỷ USD, tăng 9,7%, chiếm 72,2% (tỷ trọng tăng 2,1 điểm phần trăm so với năm trước).

Năm 2020 có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó, 24 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD, 9 mặt hàng có kim ngạch trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng có kim ngạch trên 10 tỷ USD. Mặt hàng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là điện thoại và linh kiện với giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 50,9 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 1% so với năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 44,7 tỷ USD, tăng 24,4%. Những năm gần đây nổi lên vai trò chi phối của nhóm hàng điện tử, máy tính, điện thoại và linh kiện. Trị giá xuất khẩu của 2 nhóm hàng này đang tiến dần tới mốc 100 tỷ USD (năm 2019 đạt 87 tỷ USD, năm 2020 ước tính đạt gần 96 tỷ USD) với tỷ trọng ngày càng tăng, chiếm tới 33,9% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm 2019. Nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm hàng cần thiết cho sản xuất, xuất khẩu, gồm máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt 245,6 tỷ USD, tăng 4,1% so với năm 2019, chiếm tỷ trọng 93,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó nhập khẩu nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải, phụ tùng tăng mạnh tới 16,3%. Điều này chứng tỏ nền kinh tế đang có sự phục hồi khá mạnh mẽ về sản xuất trong khi nhập khẩu cho tiêu dùng đã giảm đáng kể, tỷ trọng chỉ chiếm 6,4%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với năm 2019.

### 2.1.1.2. Một số nhóm hàng xuất nhập khẩu chính năm 2020

#### ❖ Các nhóm hàng xuất khẩu chính

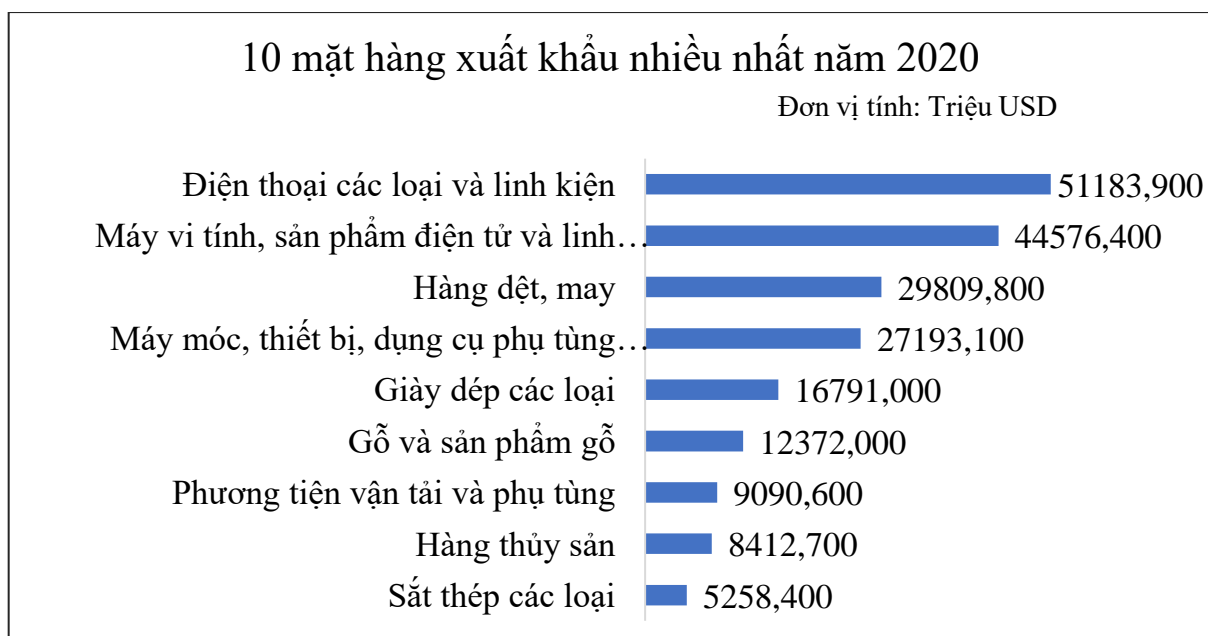
Tính cả năm 2020, tổng trị giá xuất khẩu đạt 282,65 tỷ USD, tăng 7%, tương ứng tăng 18,39 tỷ USD so với năm 2019.

Trong đó, một số mặt hàng có kim ngạch tăng trên tỷ USD như máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 8,9 tỷ USD (tăng 49%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 8,7 tỷ USD (24%); gỗ và sản phẩm gỗ tăng 1,72 tỷ USD (16%); sắt thép các loại tăng 1,05 tỷ USD (25%)

Bên cạnh đó, một số nhóm hàng giảm mạnh như hàng dệt may giảm 3 tỷ USD (9%); giày dép các loại giảm 1,52 tỷ USD (8%); xăng dầu các loại giảm 1,03 tỷ USD (51%)...

Top 10 mặt hàng Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất năm 2020 đạt tổng giá trị hơn 208,4 tỷ USD, chiếm xấp xỉ 74% tổng xuất khẩu cả nước trong năm.

Biểu đồ 2.5: Top 10 mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Điện thoại các loại và linh kiện

Lũy kế năm 2020, xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện đạt 51,2 tỷ USD, giảm nhẹ 0,4% so với năm 2019.

Trong đó, xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Trung Quốc đạt 12,3 tỷ USD, tăng mạnh 49%; sang EU (28 nước) đạt 10,1 tỷ USD, giảm 19%; sang Mỹ đạt 8,8 tỷ USD, giảm 1,2%; sang Hàn Quốc đạt 4,6 tỷ USD, giảm 11%... so với năm 2019.

- Máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện

Trong năm 2020, xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sang Trung Quốc đạt 11,1 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2019; sang Mỹ đạt 10,4 tỷ USD, tăng mạnh 72%; sang EU (28 nước) đạt 6,5 tỷ USD, tăng 28%; sang Hong Kong đạt 4,2 tỷ USD, tăng 38%...

- Hàng dệt may

Tính trong năm 2020, Mỹ tiếp tục là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất từ Việt Nam với trị giá đạt gần 14 tỷ USD, giảm gần 6% so với năm trước và chiếm 47% tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt may của cả nước; EU (28 nước) tiêu thụ 3,7 tỷ USD, giảm 15%; tiếp theo là Nhật Bản 3,5 tỷ USD, giảm 11%; Hàn Quốc 2,9 tỷ USD, giảm 15%...

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác

Các thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng trong năm 2020 chủ yếu gồm Mỹ với 12,2 tỷ USD, tăng mạnh 142%; EU (28 nước) đạt 3,5 tỷ USD, tăng 29%; Hàn Quốc 2,05 tỷ USD, tăng 26%; Nhật Bản 2,1 tỷ USD, tăng 5,6%; Trung Quốc hơn 1,9 tỷ USD, tăng 22%... so với năm 2019.

- Thủy sản

Tính chung cả năm 2020 đạt 8,4 tỷ USD, giảm 1,5% so với năm 2019.

Trong đó, xuất khẩu sang 4 thị trường chính là Mỹ đạt 1,6 tỷ USD, tăng hơn 10%; Nhật Bản 1,4 tỷ USD, giảm gần 2%; EU đạt 1,3 tỷ USD, giảm gần 1% và Trung Quốc đạt 1,2 tỷ USD, giảm 5%.

- Gạo

Trong năm 2020, xuất khẩu gạo của cả nước đạt 6,2 triệu tấn, giảm 2% về lượng so với năm 2019 nhưng do đơn giá bình quân xuất khẩu tăng nên trị giá đã tăng 11%, đạt 3,12 tỷ USD. Lượng gạo xuất sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh 70%, với 811 nghìn tấn; sang thị trường dẫn đầu Philippines 2,2 triệu tấn, tăng 4% so với năm 2019.

❖ Các nhóm hàng nhập khẩu chính năm 2020

Tổng trị giá nhập khẩu năm 2020 tăng 3,7%, tương ứng tăng 9,31 tỷ USD so với năm 2019. Trong đó, máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện tăng 12,6 tỷ USD (25%); điện thoại các loại & linh kiện tăng 2,03 tỷ USD (14%); sản phẩm từ chất dẻo tăng 731 triệu USD (12%).

Top 10 mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất năm 2020 đều đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD. Tổng kim ngạch của top 10 này đạt 107,7 tỷ USD; chiếm gần 65% tổng nhập khẩu của cả nước.

Chiếm áp đảo là nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện gần 64 tỷ USD; đứng thứ hai là nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác gần 37,3 tỷ USD.

Biểu đồ 2.6: Top 10 mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện

2020 nhập khẩu nhóm hàng này đạt xấp xỉ 64 tỷ USD, tăng mạnh 25% so với năm 2019 và chiếm tỷ trọng lớn nhất tới 24% trong tổng trị giá nhập khẩu của cả nước.

Trong năm qua, nhập khẩu từ Trung Quốc tăng mạnh và đã vượt Hàn Quốc trở thành thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam. Cụ thể, nhập từ Trung Quốc với 18,5 tỷ USD, tăng tới 52%; nhập từ Hàn Quốc với 14,1 tỷ USD, chỉ tăng nhẹ 1,7%; ngoài ra nhập từ Đài Loan với 7,7 tỷ USD, tăng tới 38% so với năm 2019.

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng

Trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này năm 2020 lên 37,25 tỷ USD, tăng nhẹ 1,4% so với năm 2019.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong năm 2020 với trị giá hơn 17 tỷ USD, tăng trên 14% so với năm 2019. Bên cạnh đó, các thị trường chủ lực khác đều suy giảm như Hàn Quốc với 6 tỷ USD, giảm 3%; nhập từ Nhật Bản với 4,4 tỷ USD, giảm 6%; nhập từ Đức với 1,5 tỷ USD, giảm 12% so với năm trước.

- Nhóm mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may, da, giày (bao gồm: bông, xơ sợi dệt, vải các loại, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày)

Tính chung cả năm 2020, tổng trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này là 21,5 tỷ USD, giảm 11% so với năm 2019.

Năm 2020, Trung Quốc là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may da giày cho Việt Nam, chiếm tỷ trọng 51% với 10,9 tỷ USD, giảm hơn 5% so với năm trước. Ngoài ra, nhập khẩu nhóm hàng này còn có xuất xứ từ Hàn Quốc với 2,3 tỷ USD, giảm 21%; từ Đài Loan hơn 2 tỷ USD, giảm 14,4%; từ Mỹ 1,7 tỷ USD, giảm 18%.

- Điện thoại các loại và linh kiện

Tính cả năm 2020, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này đạt 16,6 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2019.

Trong năm 2020, Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn là hai thị trường chính cung cấp điện thoại các loại và linh kiện cho Việt Nam với tổng trị giá đạt 15,6 tỷ USD, chiếm 93% tổng trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này. Trong đó, từ Trung Quốc 7,8 tỷ USD, tăng 3% so với năm trước; nhập khẩu từ Hàn Quốc là 7,76 tỷ USD, tăng 31%...

- **Phế liệu sắt thép**

Năm 2020, lượng phế liệu sắt thép nhập về Việt Nam đạt 6,3 triệu tấn, tăng 11,4%; với trị giá đạt gần 1,7 tỷ USD, tăng nhẹ 0,7% so với năm 2019.

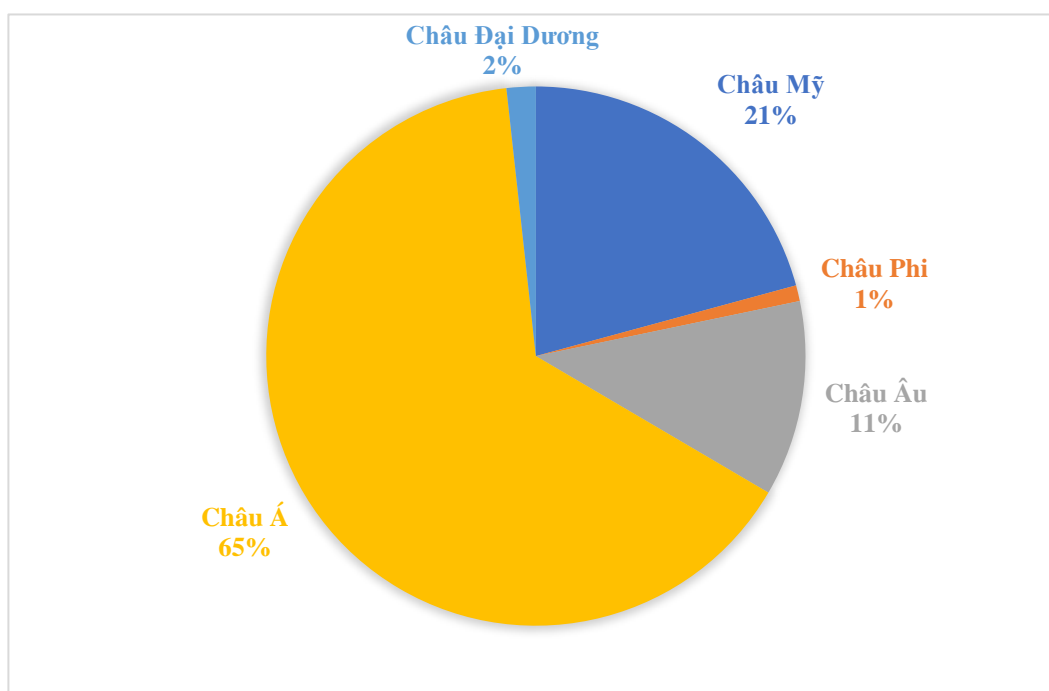
Phế liệu sắt thép có nguồn gốc xuất xứ từ hai thị trường chính là Nhật Bản và Mỹ, chiếm tỷ trọng tới 70%. Tuy nhiên, lượng nhập khẩu phế liệu sắt thép từ Nhật Bản lại tăng cao 55% đạt 3,4 triệu tấn; trong khi từ Mỹ lại giảm mạnh 17% đạt hơn 1 triệu tấn.

- **Ô tô nguyên chiếc các loại**

Tính chung năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 105 nghìn chiếc ô tô nguyên chiếc các loại, giảm tới 25% so với năm 2019.

**2.2.1.3. Các thị trường xuất nhập khẩu chính**

Biểu đồ 2.7: Tỷ trọng phần trăm xuất nhập khẩu tại các khu vực thị trường của Việt Nam năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan



Bảng 2.4: Kim ngạch xuất nhập khẩu các thị trường chủ yếu của Việt Nam  
năm 2020

<b>Thị trường</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)</b>	<b>Tăng giảm so với 2019 (%)</b>	<b>Thị trường</b>	<b>Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)</b>	<b>Tăng giảm so với 2019 (%)</b>
<b>Hoa Kỳ</b>	76,4	24,5	<b>Trung Quốc</b>	83,9	11,2
<b>Trung Quốc</b>	48,5	17,1	<b>Hàn Quốc</b>	46,3	-1,5
<b>EU</b>	34,8	- 2,7	<b>ASEAN</b>	30	-7
<b>ASEAN</b>	23,1	-8,7	<b>Nhật Bản</b>	20,5	5
<b>Nhật Bản</b>	19,2	-5,7	<b>EU</b>	14,5	3,5
<b>Hàn Quốc</b>	18,7	-5,1	<b>Hoa Kỳ</b>	13,7	5

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan*

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa năm 2020, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 76,4 tỷ USD, tăng 24,5% so với năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 48,5 tỷ USD, tăng 17,1%; thị trường EU đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,7%; thị trường ASEAN đạt 23,1 tỷ USD, giảm 8,7%; Nhật Bản đạt 19,2 tỷ USD, giảm 5,7%; Hàn Quốc đạt 18,7 tỷ USD, giảm 5,1%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 83,9 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 46,3 tỷ USD, giảm 1,5%; thị trường ASEAN đạt 30 tỷ USD, giảm 6,9%; Nhật Bản đạt 20,5 tỷ USD, tăng 5%; thị trường EU đạt 14,5 tỷ USD, tăng 3,5%; Hoa Kỳ đạt 13,7 tỷ USD, giảm 4,9%.

### ➤ **Thị trường châu Á**

#### ❖ *Về tổng kim ngạch:*

Năm 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Á đạt 348,7 tỷ USD, tăng 3,9% so với năm 2019. Trong đó:

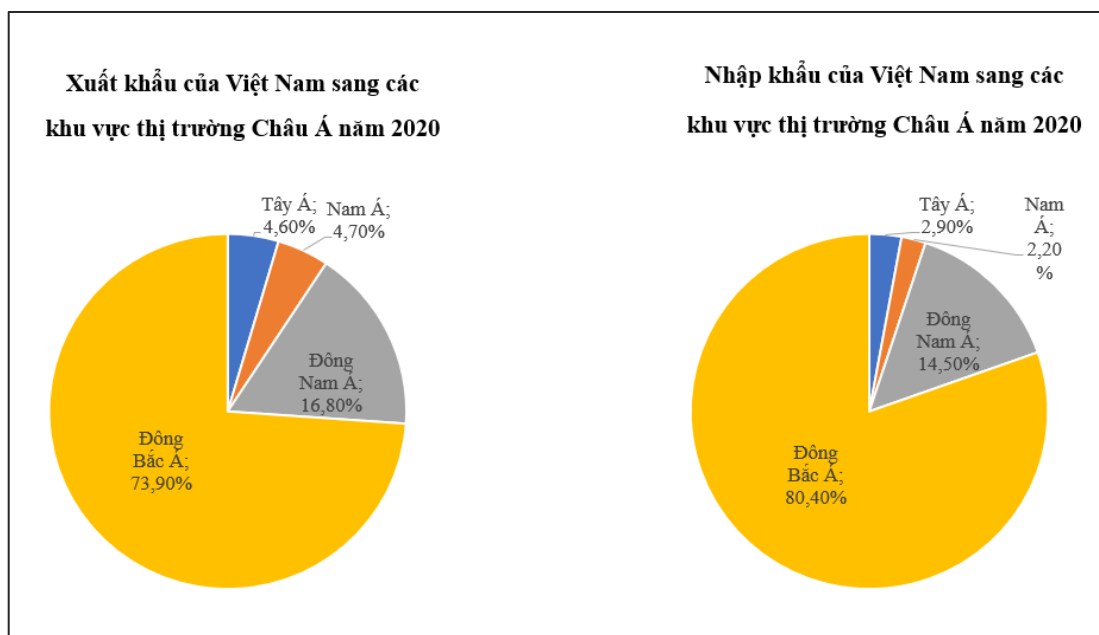
+ Kim ngạch xuất khẩu sang châu Á đạt 138,2 tỷ USD, tăng 3,2% so với năm 2019, chiếm 48,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

+ Kim ngạch nhập khẩu từ châu Á đạt 210,5 tỷ USD, tăng 4,4% so với năm 2019, chiếm 80,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam.

Nhập siêu của Việt Nam từ châu Á có giá trị 72,3 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2019.

❖ Về khu vực thị trường:

Hình 2.1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam sang các khu vực thị trường châu Á năm 2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

Đông Bắc Á là khu vực thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam tại khu vực châu Á, chiếm 73,9% tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang châu Á (tăng 4,3% về tỷ trọng so với năm 2019) và chiếm 80,4% tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ châu Á (tăng 1,8% về tỷ trọng so với năm 2019).

Đông Nam Á chiếm 16,8% tỷ trọng xuất khẩu (giảm 2,1%) và chiếm 14,5% tỷ trọng nhập khẩu (giảm 1,5% về tỷ trọng so với năm 2019).

Nam Á chiếm 4,7% tỷ trọng xuất khẩu (giảm 1,2%) và chiếm 2,2% tỷ trọng nhập khẩu (giảm 0,2% về tỷ trọng so với năm 2019).

Tây Á chiếm 4,6% tỷ trọng xuất khẩu (giảm 1%) và chiếm 2,9% tỷ trọng nhập khẩu

(giảm 0,1% về tỷ trọng so với năm 2019)

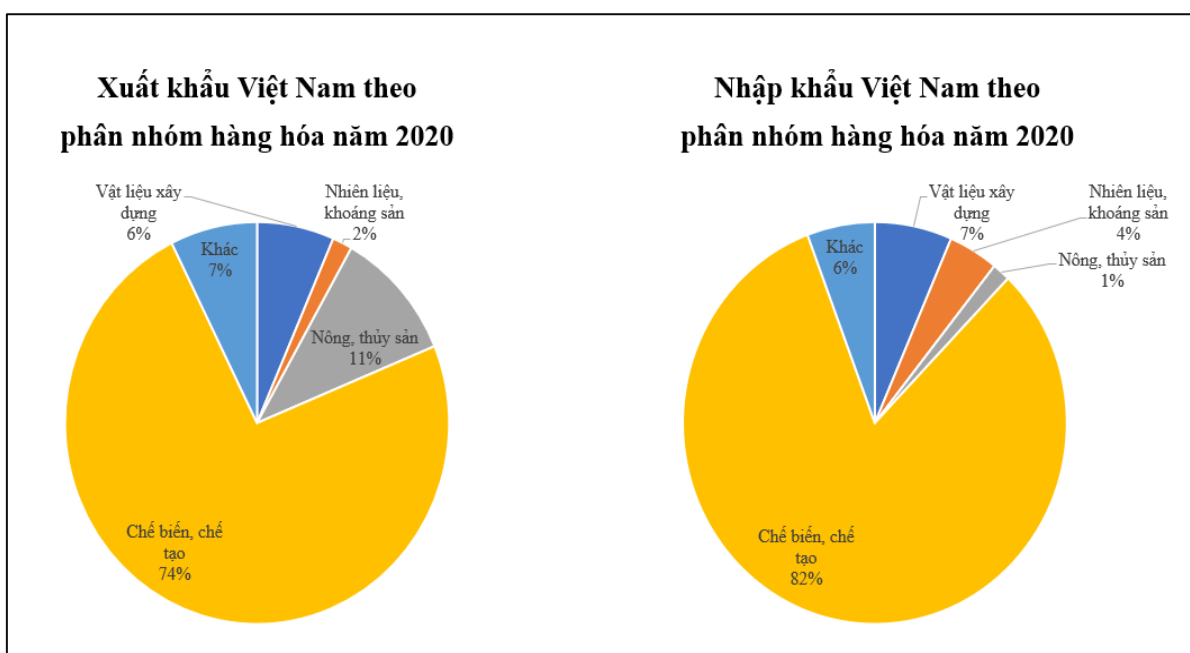
Bảng 2.5: Xuất khẩu sang thị trường châu Á năm 2020

Tên mặt hàng	Kim ngạch xuất khẩu 2020 (tỷ USD)	Tăng/ Giảm so với năm trước(%)
Điện thoại các loại và linh kiện	26,2	9,3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	24,1	10
Hàng dệt, may	10	- 12,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	9,5	6,5
Phương tiện vận tải và phụ tùng	4,8	-1,2
Hàng thủy sản	4,4	-5,8
Giày dép các loại	4,3	-2,9
Sắt thép các loại	4,3	35,1
Gỗ và sản phẩm gỗ	3,7	0,8

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 54,3 tỷ USD, tăng 25,3%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 32 tỷ USD, tăng 4,4%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 16 tỷ USD, tăng 15,9%); Vải các loại (đạt 11,5 tỷ USD, giảm 11,1%); Sắt thép các loại (đạt 7,6 tỷ USD, giảm 13,4%); Chất dẻo nguyên liệu (đạt 7,3 tỷ USD, giảm 6,2%); Sản phẩm từ chất dẻo (đạt 6,8 tỷ USD, tăng 11,6%); Kim loại thường khác (đạt 4,8 tỷ USD, giảm 5%); Sản phẩm hóa chất (đạt 4,6 tỷ USD, tăng 7,1%); Hóa chất (đạt 4,5 tỷ USD, giảm 0,6%);...

Hình 2.2: Cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa sang Châu Á của Việt Nam năm 2020



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu sang thị trường châu Á tiếp tục tăng về nhóm hàng: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Điện thoại các loại và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; .... Năm 2020 các mặt hàng: Hàng dệt, may; Phương tiện vận tải và phụ tùng; Giày dép các loại; Hàng thủy sản.. có trị giá xuất khẩu giảm do ảnh hưởng của dịch COVID.

### ➤ Thị trường Châu Âu

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, thương mại giữa Việt Nam và các nước khu vực châu Âu chứng kiến sự suy giảm đáng kể trong năm 2020. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và châu Âu đạt 63,1 tỷ USD, giảm 2,2% so với năm 2019, chiếm tỷ trọng 11,6% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 44,2 tỷ USD, giảm 4,9%, chiếm tỷ trọng 15,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; nhập khẩu đạt gần 18,9 tỷ USD, tăng 4,7%, chiếm tỷ trọng 7,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Xuất siêu của Việt Nam sang khu vực năm 2020 là 25,3 tỷ USD. Dự báo trong các năm tiếp theo, khi tình hình dịch bệnh COVID-19 được cải thiện và tác động tích cực từ các Hiệp định thương

mại tự do với các đối tác khu vực châu Âu, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sẽ có sự phục hồi trở lại.

➤ **Thị trường châu Mỹ**

Tuy chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhưng cùng với những tác động tích cực từ việc Hiệp định CPTPP được triển khai có hiệu quả, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và thị trường châu Mỹ có mức tăng trưởng rất tốt, đặc biệt xuất khẩu có mức tăng trưởng rất ấn tượng. Cụ thể, trong năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và thị trường châu Mỹ đạt gần 111,8 tỷ USD, tăng 16,2% so với năm 2019. Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và khu vực thị trường châu Mỹ chiếm 20,5% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước trong năm 2020. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ đạt gần 90 tỷ USD tăng mạnh 21,9% so với năm trước, chiếm tỷ trọng 31,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Nhập khẩu đạt 21,8 tỷ USD, giảm 2,6% so với năm trước, chiếm tỷ trọng khoảng 8,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Năm 2020, Việt Nam xuất siêu tới 68,1 tỷ USD sang thị trường này.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường châu Mỹ bao gồm : điện thoại và linh kiện điện thoại, máy tính và sản phẩm điện tử, dệt may và da giày, gỗ và sản phẩm từ gỗ, máy móc và thiết bị phụ tùng, các mặt hàng nông và thủy sản.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ khu vực châu Mỹ bao gồm : ngô, đậu tương, thức ăn chăn nuôi, máy vi tính và sản phẩm điện tử, bông các loại...

➤ **Thị trường Châu Phi**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các thị trường khu vực châu Phi năm 2020 đạt 5,1 tỷ USD, tăng 0,1% so với năm 2019.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang châu Phi đạt 2,5 tỷ USD, giảm 0,9% so với năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ châu Phi đạt 2,6 tỷ USD, tăng 1% so với năm 2019.

### ➤ **Thị trường châu Đại Dương**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các thị trường khu vực châu Đại Dương đạt 9,4 tỷ USD, tăng 3% so với năm 2019. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang châu Đại Dương đạt 4,1 tỷ USD, tăng 1,2% so với năm 2019. Nhập khẩu của Việt Nam từ châu Đại Dương đạt 5,2 tỷ USD, tăng 4,5% so với năm 2019. Nhập siêu của Việt Nam từ khu vực thị trường châu Đại Dương năm 2020 là 1,1 tỷ USD, tăng 18,8% so với năm 2019.

#### *2.2.1.4. Nhận xét về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020*

#### **Những điểm tích cực**

- ❖ *Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đạt tăng trưởng tích cực trong bối cảnh thương mại toàn cầu chịu tác động mạnh từ đại dịch COVID-19*

Năm 2020, tổng trị giá kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước vượt sâu mốc 500 tỷ USD, đạt 545,4 tỷ USD, tăng 5,4% so với năm 2019. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 282,66 tỷ USD, tăng 7,0% so với năm 2019 và tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 262,7 tỷ USD, tăng 3,7% so với năm 2019. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì mức tăng 7% so với năm trước, bằng đúng chỉ tiêu được Quốc hội giao cho Chính phủ trong năm 2020. Đây là kết quả rất tích cực nếu xét đến trong 2 quý đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ tăng ở mức 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Nếu xét đến các nền kinh tế lớn và các nước trong khu vực, mức tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam đạt 7% là vượt trội, cụ thể: Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu của Trung Quốc năm 2020 đạt 2.590 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm trước; theo số liệu của WTO (truy cập ngày 26 tháng 02 năm 2021), xuất khẩu của Nhật Bản giảm 9,1% so với năm trước, của Hàn Quốc giảm 5,4%, của Ấn Độ giảm 14,8%, của Singapore giảm 7,2%, của Thái Lan giảm 6,0%, của Indonesia giảm 2,3% và của Malaysia giảm 1,7%. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu duy trì tăng trưởng dương cho thấy sự cố gắng của Chính phủ, các Bộ, ngành trong việc xây dựng các giải pháp ứng phó với tình huống đại dịch COVID-19, đảm bảo tăng trưởng trong khi giữ được hiệu quả của công tác phòng chống dịch, đồng thời cho thấy một phần lớn do nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp. Có thể nói COVID-19 như một “liều thuốc thử hạng nặng” với nền kinh tế Việt Nam nói chung

và lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng. Và những kết quả đạt được trong năm 2020 chứng tỏ sức chống chịu của hoạt động xuất nhập khẩu trước những tác động tiêu cực, toàn diện mà dịch COVID-19 gây ra là vô cùng ấn tượng. Đây là nền tảng vững chắc để hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục phát huy trong những năm tới.

❖ *Cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch tích cực và diện mặt hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng*

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục xu hướng chuyển dịch tích cực. Tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến năm 2020 đạt khoảng 240,8 tỷ USD, chiếm 85,2% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Tỷ trọng của xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản xếp thứ hai, chiếm 8,9% với giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 25 tỷ USD. Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản chỉ còn chiếm tỷ trọng khoảng 1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đạt 2,9 tỷ USD, giảm 34,8% so với năm 2019. Xét về mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu lớn, năm 2020 có 31 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (trong đó có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD). Tổng giá trị xuất khẩu của 32 mặt hàng này chiếm tỷ trọng khoảng 92% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

❖ *Xuất siêu tiếp tục được duy trì*

Từ năm 2016 đến nay, cán cân thương mại luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm, lần lượt là 1,77 tỷ USD (năm 2016), 2,11 tỷ USD (năm 2017), 6,83 tỷ USD (năm 2018), đạt 10,9 tỷ USD (năm 2019) và đạt 19,95 tỷ USD (năm 2020). Cán cân thương mại thặng dư đã góp phần cải thiện cán cân thanh toán, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, nâng cao dự trữ ngoại hối.

❖ *Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu*

Trong bối cảnh xuất khẩu ở một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19 như xuất khẩu sang ASEAN giảm 8,4% so với năm 2019; xuất khẩu sang thị trường châu Âu giảm 5,3%, thì kim ngạch xuất khẩu chung vẫn đạt tăng trưởng dương. Điều này chứng tỏ, các doanh nghiệp xuất khẩu đã tìm kiếm được những thị trường thay thế để đẩy mạnh xuất khẩu nhằm bù đắp được sụt giảm kim ngạch ở các thị trường truyền thống. Năm 2020, có 31 thị trường xuất khẩu đạt kim

ngạch trên 1 tỷ USD, trong đó, 5 thị trường đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD, 8 thị trường trên 5 tỷ USD.

❖ *Quản lý, điều hành xuất khẩu đáp ứng yêu cầu ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì hiệu quả xuất khẩu*

Bộ Công Thương đã đề xuất Bộ Y tế xây dựng Quy trình kiểm soát, phòng chống dịch bệnh thống nhất cho xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh của phương tiện và người điều khiển phương tiện để áp dụng tại các cửa khẩu biên giới; qua đó giúp đảm bảo vừa thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch, vừa không gây ảnh hưởng quá mức tới xuất nhập khẩu. Với diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 và nhu cầu lương thực, thực phẩm đang tăng mạnh trên thế giới, việc bảo đảm tuyệt đối an ninh lương thực quốc gia, không để xảy ra tình trạng thiếu lương thực trong bất kỳ hoàn cảnh nào là việc cấp bách, cần triển khai ngay để đảm bảo mục tiêu “kép” là chiến thắng đại dịch và duy trì sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Trước tình hình đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành kiến nghị, đề xuất Chính phủ biện pháp điều hành xuất khẩu gạo theo đúng quy định của Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 107/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Kết quả xuất khẩu gạo năm 2020 góp phần tiêu thụ thóc, gạo cho người nông dân với giá có lợi. Lượng xuất khẩu gạo cả năm đạt 6,25 triệu tấn, giảm 1,9% so với năm trước, nhưng trị giá xuất khẩu tăng 11,2%, đạt 3,12 tỷ USD. Giá xuất khẩu bình quân cả năm đạt khoảng 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với năm 2019.

### **Những vấn đề tồn tại**

Bên cạnh những điểm sáng, hoạt động xuất khẩu vẫn còn một số tồn tại cần được quan tâm, xem xét một cách kỹ lưỡng và đề xuất các giải pháp quản lý điều hành xuất nhập khẩu phù hợp. Cụ thể là:

**Thứ nhất**, xuất siêu được duy trì năm thứ 5 liên tiếp góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, mức thặng dư ngày một cao và tăng nhanh (năm 2020 xuất siêu gần 20 tỷ USD, tăng 84% so với năm 2019) cũng tạo sức ép lên việc điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá của Chính phủ.



**Thứ hai,** tỷ trọng xuất khẩu sang một số thị trường lớn ngày càng tăng cao, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ. Năm 2020, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 77,1 tỷ USD, tăng 25,7% so với năm 2019. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đã tăng từ 19,5% năm 2018 lên 23,2% năm 2019 và 27,3% năm 2020. Việc xuất khẩu sang một thị trường tăng nhanh cần tính đến nền kinh tế dễ tổn thương trước các biện pháp phòng vệ thương mại hoặc cú sốc từ bên ngoài. Thực tế này đòi hỏi phải đa dạng hóa hơn nữa các đối tác thương mại, giảm thiểu những tác động đến từ một đối tác thương mại cụ thể.

**Thứ ba,** công nghiệp hỗ trợ còn chậm phát triển, chưa sản xuất được các sản phẩm đủ về chất lượng, quy mô để có thể tham gia được vào chuỗi cung ứng sản phẩm, linh kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Do đó, các doanh nghiệp còn phải nhập khẩu nhiều các loại nguyên vật liệu, bán thành phẩm, linh kiện, thiết bị,... phục vụ hoạt động sản xuất, xuất khẩu, đặc biệt là từ Trung Quốc, dẫn đến khó khăn khi chuỗi cung bị gián đoạn. Thực tế thời điểm cuối quý I khi dịch COVID-19 bùng phát mạnh ở Trung Quốc, xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam đã đứng trước khó khăn do thiếu nguồn cung đầu vào.

**Thứ tư,** các mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận những thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và an toàn thực phẩm. Những hạn chế, yếu kém nội tại về sản xuất nhỏ, phân tán, mặc dù đã được khắc phục nhiều, nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn và tiêu chuẩn cao từ thị trường quốc tế, do đó, chưa đáp ứng được hoàn toàn những nhu cầu của thị trường.

**Thứ năm,** mặc dù Việt Nam đã và đang rất tích cực, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề trong tranh chấp thương mại, xử lý các biện pháp phòng vệ thương mại, vượt qua các rào cản thương mại của các thị trường nhập khẩu nhưng thương mại thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với xu hướng bảo hộ thương mại ngày càng tăng. Nhiều nước chuyển sang áp dụng nhiều hình thức mới trong phòng vệ thương mại như chống lẩn tránh phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ thay vì áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại truyền thống. Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp cần nâng cao năng lực trong công tác cảnh báo sớm, phân tích, cảnh báo

tình hình tăng trưởng xuất khẩu nóng, dẫn tới nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại và chủ động có biện pháp phù hợp để bảo vệ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

## **2.2.2. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2021**

### **2.2.2.1. Bối cảnh tình hình kinh tế - chính trị thế giới**

#### **❖ Những nét chính của tình hình kinh tế thế giới trong năm 2021**

Năm 2021, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến rất nhanh, phức tạp với nhiều yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen. Nhìn chung, kinh tế thế giới dần hồi phục sau thời gian chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19 trong năm 2020. Do việc kiểm soát dịch, cũng như do quy mô và mức độ của các gói hỗ trợ ở các quốc gia khác nhau nên phục hồi kinh tế không đồng đều giữa các khu vực. Một số nét chính của kinh tế thế giới năm 2021 có thể kể tới: Đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu Từ quý I/2021, các quốc gia mở cửa trở lại sau thời gian dài phong tỏa khiến nhu cầu hàng hóa tăng mạnh. Các gói kích thích tiền tệ và tài khoá cùng các chương trình tiêm chủng vaccine rộng rãi trên toàn cầu đã góp phần giúp tổng cầu phục hồi và tăng trưởng, kích thích nhập khẩu. Các nước tập trung nhập khẩu các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, công nghiệp, công nghệ như chip bán dẫn, sắt, thép, nhôm, hàng hoá tiêu dùng, y tế, thiết bị điện tử,... Tuy nhiên, sự gia tăng quá nhanh của nhu cầu tiêu dùng khiến năng lực cung cấp khó đáp ứng, đặc biệt trong bối cảnh khan hiếm hàng hóa và thiếu hụt nguồn nhân lực. Hơn nữa, do thiếu phương tiện vận tải và ảnh hưởng của các biện pháp phong tỏa, hàng hóa không thể vận chuyển kịp thời và đầy đủ từ nhà sản xuất đến nhà phân phối và từ nhà phân phối đến người tiêu dùng, gây hệ quả đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Cụ thể:

+ Tình trạng khan hiếm hàng hóa: dịch COVID-19 bùng phát ở các quốc gia được coi là công xưởng sản xuất của thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil hay các quốc gia Đông Nam Á dẫn tới hệ quả nhiều nhà máy và cơ sở sản xuất phải đóng cửa. Khi nguồn cung của hầu hết các chuỗi cung ứng trên thế giới ngừng hoạt động, cùng với cuộc khủng hoảng năng lượng bất nguồn từ châu Âu, thì nguyên liệu đầu vào trở nên khan hiếm và giá cả tăng cao.

+ Tình trạng thiếu hụt nhân lực: Do tỷ lệ lao động nhiễm COVID-19 không thể đi làm tăng cao và các biện pháp cách ly xã hội được thực hiện để ngăn chặn đà lây lan

của dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất đối mặt với tình trạng khủng hoảng lao động. Các yếu tố khác như hệ thống giáo dục bị ảnh hưởng, trường học đóng cửa,... cũng khiến số lượng lao động đi làm trực tiếp giảm.

+ Tình trạng khan hiếm container và chi phí vận tải biển tăng cao: Hiện nay, khoảng 90% hàng hoá được vận chuyển bằng đường biển (theo OECD), phần lớn trên các con tàu container lớn của các hãng tàu quốc tế với số lượng vào khoảng trên 5.500 chiếc trong năm 2021. Nhu cầu vận chuyển hàng hoá tăng cao làm gia tăng nhu cầu container. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, hiệu suất xử lý hàng hoá tại các cảng đều giảm, dẫn đến một lượng khổng lồ container bị ứ đọng tại các cảng Bắc Mỹ và châu Âu không thể lưu chuyển về châu Á, khiến thời gian quay vòng container tăng vọt.

#### ❖ *Tình hình kinh tế một số đối tác thương mại lớn của Việt Nam*

Nhìn chung, năm 2021, hầu hết nền kinh tế của các đối tác thương mại lớn của Việt Nam đều phục hồi so với năm 2020 nhờ tốc độ khẩn trương bao phủ vaccine và động lực mạnh mẽ từ các gói kích thích kinh tế quy mô lớn và chính sách lãi suất thấp. Tuy nhiên, đà tăng trưởng giảm dần vào quý IV do sự xuất hiện của biến thể COVID-19 mới. Cụ thể:

- Hoa Kỳ

Theo ước tính của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, tăng trưởng GDP nước này năm 2021 là 5,7%, mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1984. Điều này đánh dấu sự phục hồi ấn tượng vì chỉ một năm trước đó, kinh tế Hoa Kỳ suy giảm 3,4%, mức giảm sâu nhất trong 74 năm qua. Đà tăng trưởng kinh tế giảm dần vào cuối năm 2021 do tác động của đợt bùng phát mạnh dịch COVID-19 bởi sự xuất hiện của biến thể Omicron, khiến chi tiêu giảm và các hoạt động kinh tế cũng bị gián đoạn do tác động của dịch bệnh. Dù vậy, quý IV/2021, kinh tế Hoa Kỳ vẫn đạt mức tăng trưởng đáng chú ý là 6,9%. Năm 2021, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa nước này và Trung Quốc vẫn “âm ỉ” tiếp diễn kết hợp với những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 khiến chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục thiếu ổn định, nhiều mặt hàng khan hiếm, giá cả hàng hoá tăng cao.

- Trung Quốc

Năm 2021, Trung Quốc được nhận định là phục hồi ổn định, đi đầu cả về phát triển kinh tế và kiểm soát dịch bệnh. Theo Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, năm 2021, GDP của Trung Quốc đạt 114,37 nghìn tỷ Nhân dân tệ (khoảng 18 nghìn tỷ USD), tăng 8,1% so với năm 2020, tốc độ nhanh nhất trong một thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong quý IV/2021, GDP của nước này ghi nhận tăng chậm lại so với các quý trước, chỉ tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu là do khó khăn trên thị trường bất động sản, nợ công và các biện pháp kiểm soát dịch nghiêm ngặt. Nhu cầu nội địa sẽ tiếp tục là lực cản đối với nền kinh tế do chính sách “Zero COVID” của Trung Quốc đã dẫn đến nhiều hạn chế đi lại trong nước.

Năm 2021, chứng kiến những rủi ro trong đứt gãy nguồn cung, nhiều quốc gia nhập khẩu lớn đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn hàng nhập khẩu để tránh phụ thuộc vào một thị trường. Những khu vực và quốc gia lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,... tiếp tục triển khai chiến lược dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang các nước khác, nhằm đảm bảo ổn định thương mại.

- EU

Theo ước tính của Eurostat, năm 2021, GDP của EU tăng 5,2% so với năm 2020. Mức tăng trưởng của năm nay được xem như là sự phục hồi quy mô kinh tế như trước đại dịch COVID-19. Quý IV/2021, mức tăng trưởng GDP của khu vực này so với quý III chỉ là 0,4%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 2,2% của quý III. Trong số các quốc gia thành viên, Hungary được ghi nhận có mức tăng trưởng cao nhất với GDP quý IV/2021 tăng 2,1% so với quý trước, tiếp theo là Tây Ban Nha với mức tăng trưởng 2% và Ba Lan tăng 1,7%. Ở chiều ngược lại, các nước có GDP giảm so với quý trước là Áo (giảm 2,2%), Đức (giảm 0,7%), Romania (giảm 0,5%) và Latvia (giảm 0,1%). Các tác động của đợt bùng phát của biến thể Omicron cũng như sự đứt gãy của chuỗi cung ứng đã ảnh hưởng tiêu cực đến các nền kinh tế mạnh về xuất khẩu như Đức và Áo.

#### 2.2.2.2. *Bối cảnh tình hình kinh tế trong nước*

Năm 2021, ở trong nước, hoạt động xuất khẩu nhập khẩu đối mặt với những thuận lợi, khó khăn đan xen.

### ❖ *Khó khăn*

Năm 2021 có thể nói là năm khó khăn nhất của nền kinh tế Việt Nam kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát. Sự xuất hiện biến thể mới có tốc độ lây lan nhanh khiến dịch bệnh diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, giai đoạn tháng 8-9 có thể coi là đỉnh dịch với số lượng ca nhiễm lớn, các biện pháp chống dịch phải thực hiện ở mức cao nhất. Đợt dịch lây lan diện rộng ở các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... khiến các doanh nghiệp phải dừng sản xuất hoặc tổ chức sản xuất tại chỗ làm ảnh hưởng đến nguồn hàng xuất khẩu. Hơn nữa, chi phí vận tải kho bãi tiếp tục ở mức cao, tình trạng thiếu hụt vỏ container có hạ nhiệt nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu. Bên cạnh đó, giá cả nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường thế giới ở mức cao (xăng dầu, sắt thép, nhựa, phân bón, thức ăn chăn nuôi,...) ảnh hưởng đến giá thành sản xuất và xuất khẩu.

### ❖ *Thuận lợi*

Nước ta đã đạt được bước tiến nhanh trong công tác tiêm chủng. Đến cuối tháng 12/2021, Việt Nam đã tiêm chủng chạm mốc 150 triệu liều vaccine, nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ tiêm nhanh nhất thế giới. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Chính phủ, các Bộ, ngành đã nỗ lực xây dựng các giải pháp ứng phó với những tình huống chống dịch ở mức cao nhất, thực hiện “mục tiêu kép” - đảm bảo tăng trưởng trong khi giữ được hiệu quả của công tác phòng chống dịch theo tinh thần Nghị quyết 128/NQ-CP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm đến chỉ đạo công tác đẩy mạnh xuất khẩu. Ngay từ đầu quý II, khi đợt dịch COVID-19 lần này còn chưa diễn biến phức tạp, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương xây dựng Đề án Phát triển xuất nhập khẩu bền vững trong những tháng cuối năm 2021 và những tháng đầu năm 2022. Chính phủ sau đó đã ban hành Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 để các Bộ, ngành, địa phương cùng triển khai thực hiện. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam đã thích ứng nhanh, linh hoạt trong đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu, tận dụng đà phục hồi của các thị trường trọng điểm. Doanh nghiệp khai thác tương đối hiệu quả các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA mang lại để tăng trưởng xuất khẩu. Hoạt động sản

xuất, xuất khẩu cũng đã nhanh chóng được phục hồi trong quý IV, góp phần tăng trưởng mạnh mẽ xuất khẩu, đưa cán cân thương mại từ nhập siêu chuyển sang xuất siêu. Nhờ đó, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã có sự tăng trưởng ngoạn mục, trở thành điểm sáng của nền kinh tế, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế; trong đó xuất khẩu tăng 19%, nhập khẩu tăng 26,5%.

### 2.2.2.3. Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa

Bảng 2.6: Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2021

	Năm 2021 (tỷ USD)	Tăng/Giảm so với năm 2020 (%)
Tổng kim ngạch	668.55	22,6
Kim ngạch xuất khẩu	336.3	19
Kim ngạch nhập khẩu	332.2	26,5

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan về tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt 668,55 tỷ USD

Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 336,3 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020; nhập khẩu đạt 332,2 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2020. Với kết quả trên, Việt Nam xuất siêu hơn 4 tỷ USD.

Năm 2021, cả nước có 8 nhóm hàng xuất khẩu đạt kim ngạch từ 10 tỷ USD trở lên, tăng 2 nhóm so với năm 2020. 2 nhóm mới đạt được mốc 10 tỷ USD là sắt thép với 13,1 triệu tấn, kim ngạch 11,8 tỷ USD tăng 32,9% về lượng nhưng tăng tới 124,3% về kim ngạch; nhóm hàng còn lại là phương tiện vận tải và phụ tùng với 10,62 tỷ USD, tăng 16,8% so với năm trước.

Xuất, nhập khẩu đạt kỷ lục gần 670 tỷ USD, tăng gần 23% so với năm trước, trở thành điểm sáng của nền kinh tế và đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế; trong đó xuất khẩu có sự bứt phá ngoạn mục, tăng trên 19% (vượt 15% so với kế hoạch đề ra), duy trì xuất siêu năm thứ 6 liên tiếp với mức thặng dư trên 4 tỷ USD.

Số lượng các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng, với 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (tăng 2 mặt hàng so với năm 2020). Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện tích cực, khi tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 85,2% năm 2020 lên 86,2% năm 2021. Hàng hóa của Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Việt Nam đã xuất siêu chủ yếu vào thị trường các nước phát triển, có yêu cầu khắt khe về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu như Hoa Kỳ (xuất siêu trên 80 tỷ USD); EU (xuất siêu trên 28 tỷ USD).

Cùng với đó, năm 2021, sản xuất công nghiệp tiếp tục được mở rộng và duy trì mức tăng trưởng gần 5%, cao hơn cùng kỳ năm trước; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,37%, tiếp tục khẳng định vai trò động lực cho tăng trưởng của toàn ngành, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội.

❖ *Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực*

Bảng 2.7 : Các mặt hàng xuất khẩu chính năm 2021

Tên mặt hàng	Kim ngạch xuất khẩu năm 2021 (tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng so với năm 2020 (%)
Điện thoại và linh kiện	57,536	12,4
Điện tử, máy tính và linh kiện	51,031	14,4
Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	38,346	41
Hàng dệt, may	32,742	9,8
Giày dép	17,615	4,9
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	14,812	19,7
Sắt thép	11,748	123,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	10,690	17,6

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan*

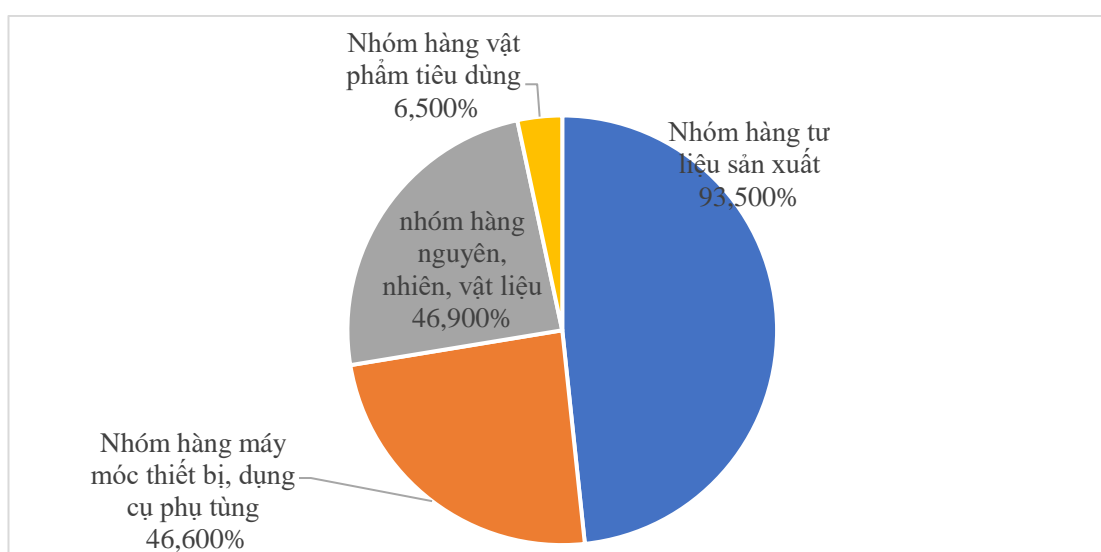
Trong năm 2021, có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%). Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực năm 2021 thuộc về khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,3%; điện tử,

máy tính và linh kiện chiếm 98,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 93%; dệt may chiếm 61,7%; giấy dếp các loại chiếm 79,3%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2021, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89,2%, tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm trước; nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 7,1%, giảm 0,2 điểm phần trăm; nhóm hàng thủy sản chiếm 2,6%, giảm 0,4 điểm phần trăm; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,1%, bằng năm trước.

❖ *Các mặt hàng nhập khẩu chính*

Biểu đồ 2.8: Cơ cấu hàng nhập khẩu năm 2021



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

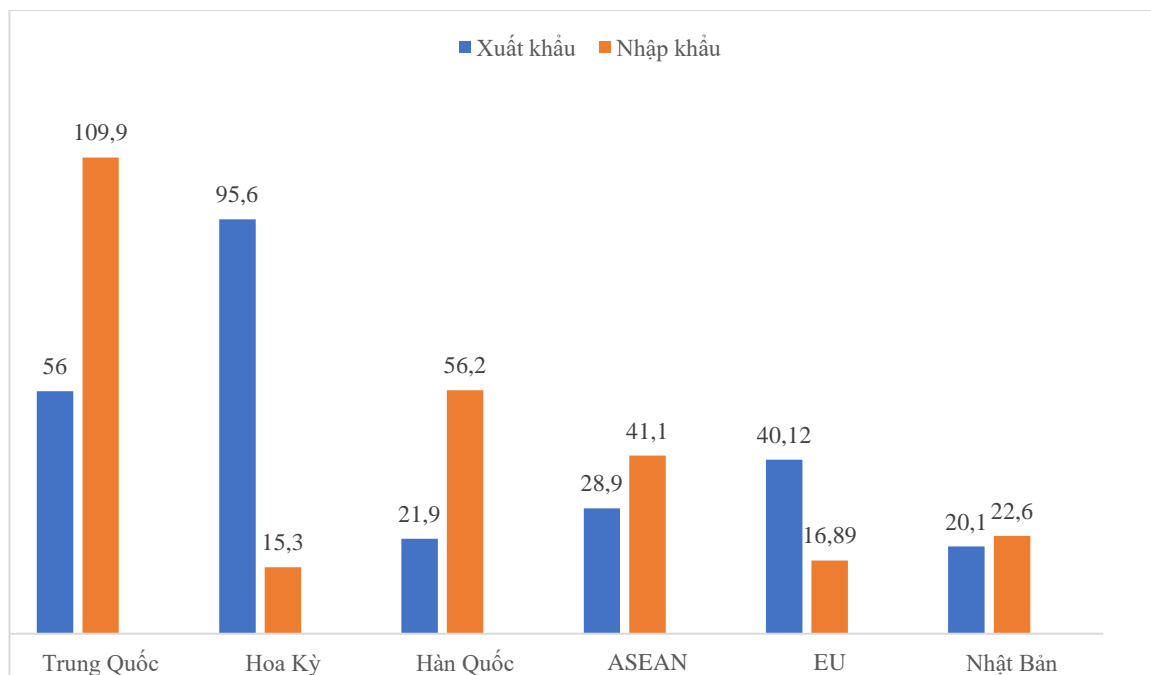
Trong năm 2021 có 47 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,5%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm trước, trong đó: Nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 46,6%, giảm 2,1 điểm phần trăm; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 46,9%, tăng 2,3 điểm phần trăm. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng chiếm 6,5%, giảm 0,2 điểm phần trăm.



#### 2.2.2.4. Các thị trường xuất nhập khẩu chính

Biểu đồ 2.9: Xuất khẩu sang các thị trường lớn của Việt Nam năm 2021



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

#### ➤ **Thị trường châu Á**

- Về tổng kim ngạch:

Năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Á đạt 427,6 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó:

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đến châu Á đạt 159,5 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2020. Xuất khẩu của Việt Nam đến châu Á chiếm 47,4% trong tổng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới.

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ châu Á đạt 268,2 tỷ USD, tăng 27,4% so với năm 2020. Nhập khẩu của Việt Nam từ châu Á chiếm 80,7% trong tổng nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới.

Nhập siêu của Việt Nam từ châu Á có giá trị 108,7 tỷ USD, tăng 50,3% so với năm 2020.

- Về khu vực thị trường:

Đông Bắc Á là khu vực thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam tại châu Á, chiếm 71,9% tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam đến châu lục này (giảm 2% về tỷ trọng so với năm 2020) và chiếm 78,7% tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ châu lục này (giảm 1,7% về tỷ trọng so với năm 2020).

Đông Nam Á chiếm 18,1% tỷ trọng xuất khẩu (tăng 1,3%) và chiếm 15,3% tỷ trọng nhập khẩu (tăng 0,9% về tỷ trọng so với năm 2020).

Nam Á chiếm 5,3% tỷ trọng xuất khẩu (tăng 0,6%) và chiếm 2,7% tỷ trọng nhập khẩu (tăng 0,5% về tỷ trọng so với năm 2020).

Tây Á chiếm 4,6% tỷ trọng xuất khẩu (giảm 0,03%) và chiếm 3,3% tỷ trọng nhập khẩu (tăng 0,4% về tỷ trọng so với năm 2020).

- Về các nhóm hàng hóa xuất nhập khẩu chính:

Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 31 tỷ USD, tăng 18,4%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 27 tỷ USD, tăng 12,4%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 12,6 tỷ USD, tăng 32,2%); Hàng dệt, may (đạt 10,2 tỷ USD, tăng 2,1%); Sắt thép các loại (đạt 6,2 tỷ USD, tăng 42,9%); Phương tiện vận tải và phụ tùng (đạt 5,1 tỷ USD, tăng 5,7%);

Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 64,9 tỷ USD, tăng 19,6%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 40,5 tỷ USD, tăng 26,6%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 20,6 tỷ USD, tăng 28,5%); Vải các loại (đạt 13,9 tỷ USD, tăng 20,6%); Sắt thép các loại (đạt 10,9 tỷ USD, tăng 42,1%); Chất dẻo nguyên liệu (đạt 10,6 tỷ USD, tăng 44,7%); Sản phẩm từ chất dẻo (đạt 7,4 tỷ USD, tăng 8,4%); Hóa chất (đạt 7 tỷ USD, tăng 53,2%); Kim loại thường khác (đạt 6,6 tỷ USD, tăng 38,9%); Sản phẩm hóa chất (đạt 6,3 tỷ USD, tăng 35,9%); Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (đạt 5 tỷ USD, tăng 16,3%);

- **Thị trường châu Phi**

- Về tổng kim ngạch:

Năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Phi đạt 6,1 tỷ USD, tăng 20,6% so với năm 2020. Trong đó:

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đến châu Phi đạt 3 tỷ USD, tăng 20,5% so với năm 2020. Xuất khẩu của Việt Nam đến châu Phi chiếm 0,9% trong tổng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới.

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ châu Phi đạt 3,2 tỷ USD, tăng 20,6% so với năm 2020. Nhập khẩu của Việt Nam từ châu Phi chiếm 1% trong tổng nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới.

Nhập siêu của Việt Nam từ châu Phi có giá trị 200 triệu USD, tăng 22,1% so với năm 2020.

- Về các thị trường thành phần:

Nam Phi hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại khu vực châu Phi, chiếm 28,7% tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam đến châu Phi (tăng 0,9% về tỷ trọng so với năm 2020) và chiếm 13,5% tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ châu Phi (giảm 13,5% về tỷ trọng so với năm 2020).

Ghana chiếm 16,2% tỷ trọng xuất khẩu đến châu Phi (tăng 1,4%) và chiếm 9,6% tỷ trọng nhập khẩu từ châu Phi (tăng 0,9%).

Bờ Biển Ngà chiếm 9% tỷ trọng xuất khẩu đến châu Phi (giảm 1,7%) và chiếm 31,8% tỷ trọng nhập khẩu từ châu Phi (tăng 7,2%).

Nigeria chiếm 5,3% tỷ trọng xuất khẩu đến châu Phi (giảm 0,2%) và chiếm 13,9% tỷ trọng nhập khẩu từ châu Phi (giảm 0,1%).

Tanzania chiếm 1,8% tỷ trọng xuất khẩu đến châu Phi (tăng 0,3%) và chiếm 8,7% tỷ trọng nhập khẩu từ châu Phi (tăng 1,7%).

- Về các nhóm hàng hóa:

Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Hạt điều (đạt 1,7 tỷ USD, tăng 55,5%); Kim loại thường khác (đạt 499,9 triệu USD, tăng 77%); Bông các loại (đạt 74,3 triệu USD, tăng 157,4%); Gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 71,5 triệu USD, giảm 0,2%); Hàng rau quả (đạt 41,7 triệu USD, tăng 8,1%); Chất dẻo nguyên liệu (đạt 8,2 triệu USD, giảm 58,8%); Sản phẩm hóa chất (đạt 7,2 triệu USD, giảm 8,4%); Hóa chất (đạt 6,8 triệu USD,

tăng 79,1%); Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (đạt 3,1 triệu USD, tăng 144,7%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 2,4 triệu USD, tăng 16,4%).

➤ **Thị trường châu Âu**

Sáu tháng đầu năm 2021 chứng kiến thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và thị trường châu Âu có xu hướng khởi sắc so với các quý trước đó nhờ những lợi thế mang lại từ các hiệp định thương mại tự do với khu vực, đặc biệt là EVFTA, UKVFTA, EAEU-VNFTA và các nước khu vực châu Âu bắt đầu mở cửa lại nền kinh tế bắt đầu từ quý II/2021 (xem biểu đồ). Quý III/2021, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tại Việt Nam khiến một số ngành sản xuất bị gián đoạn (đặc biệt tại 19 tỉnh phía Nam - vùng kinh tế trọng điểm xuất khẩu), lưu thông hàng hóa và nguyên vật liệu sản xuất trong nước bị tắc nghẽn, kéo theo ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa (XNK) giữa Việt Nam và các quốc gia khu vực châu Âu. Tuy nhiên, quý IV/2021 lại chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ kim ngạch XNK hàng hóa với khu vực này do nhu cầu tiêu dùng tăng cao, thị trường phục hồi và hạn chế do COVID-19 dần được gỡ bỏ. Theo đó, tổng kim ngạch XNK quý IV/2021 của khu vực đạt khoảng 20,24 tỷ USD, tăng 19% so với quý III/2021. Trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 14,04 tỷ USD, tăng 17,8%; nhập khẩu đạt 6,2 tỷ USD, tăng 21,5%. Thặng dư thương mại của Việt Nam với thị trường châu Âu trong quý IV năm 2021 đạt 7,84 tỷ USD, tăng 15,1% so với quý III/2021.

Tăng trưởng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và các nước châu Âu trong Quý IV/2021 đã góp phần vào tăng trưởng chung cả năm 2021. Cụ thể, tổng kim ngạch XNK hàng hóa khu vực châu Âu năm 2021 đạt khoảng 72 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2020. Trong đó, xuất khẩu đạt 50,34 tỷ USD tăng 14,3%; nhập khẩu đạt 21,68 tỷ USD tăng 15%. Thặng dư thương mại năm 2021 của Việt Nam với thị trường châu Âu đạt khoảng 28,66 tỷ USD, tăng 11,39% so với mức tăng của năm 2020.

Đóng góp chính cho mức tăng trưởng XNK với thị trường châu Âu đến từ mức tăng trưởng XNK giữa Việt Nam với thị trường các nước EU27 và thị trường Anh. Nguyên nhân chính do tác động tích cực của hai hiệp định thương mại tự do là EVFTA và UKVFTA mang lại.

## ➤ Thị trường châu Mỹ

Tuy chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhưng với những tác động tích cực từ việc Hoa Kỳ tăng cường đa dạng hóa thị trường tránh phụ thuộc vào Trung Quốc và Hiệp định

CPTPP được triển khai có hiệu quả, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và thị trường châu Mỹ có mức tăng trưởng rất tốt, đặc biệt xuất khẩu có mức tăng trưởng rất ấn tượng.

Cụ thể, theo số liệu Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và các nước khu vực châu Mỹ năm 2021 đạt gần 138,44 tỷ USD, tăng 24,2% so với năm 2020.

Trong đó, xuất khẩu đạt 113,59 tỷ USD tăng 26,7%, nhập khẩu đạt gần 24,85 tỷ USD tăng 14,1%. Thặng dư thương mại năm 2021 của Việt Nam với thị trường châu Mỹ đạt khoảng 88,74 tỷ USD, tăng 30,7% so với thặng dư năm 2020. Đóng góp chính cho mức tăng trưởng

Xuất nhập khẩu với thị trường châu Mỹ đến từ mức tăng trưởng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với thị trường Hoa Kỳ, thị trường các nước CPTPP ở châu Mỹ và thị trường các nước khối Mercosur.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường châu Mỹ bao gồm: điện thoại và linh kiện điện thoại, máy tính và sản phẩm điện tử, dệt may và da giày, gỗ và sản phẩm từ gỗ, máy móc và thiết bị phụ tùng, các mặt hàng nông và thủy sản.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ khu vực châu Mỹ bao gồm: ngô, đậu tương, thức ăn chăn nuôi, máy vi tính và sản phẩm điện tử, bông các loại...

### **2.2.3. Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2022**

#### **2.2.3.1. Tình hình kinh tế thế giới 2022**

##### **- Khủng hoảng năng lượng**

Nếu phải chọn ra một vấn đề đã định hình và xuyên suốt năm 2022 thì đó chính là "Khủng hoảng năng lượng". Đây là một cuộc khủng hoảng đặc biệt ở chỗ nó không xuất phát từ sự thiếu hụt nguồn cung, mà do các xung đột địa chính trị. Khởi đầu bằng

cuộc xung đột Nga - Ukraine cuối tháng 2, các nước phương Tây đã áp dụng các biện pháp trừng phạt ngành năng lượng, lĩnh vực xuất khẩu chính của Nga, khiến giá dầu khí nhanh chóng leo thang.

Biểu đồ giá dầu Brent năm 2022 được chuyên trang tài chính CNBC tổng hợp cho thấy, giá dầu đã tăng vọt từ mức 98,08 USD/thùng trước xung đột Nga - Ukraine lên đến mức kỷ lục gần 130 USD/thùng. Hiện tại, giá dầu đã giảm về xấp xỉ mức giá hồi đầu năm.

- Sự thay đổi trên bản đồ năng lượng toàn cầu

Nguyên nhân cho sự bình ổn của giá năng lượng đến từ những điều chỉnh trong chuỗi cung ứng. Đây không phải là khủng hoảng nguồn cung. Dầu thô và khí đốt của Nga chưa bao giờ biến mất khỏi thị trường, nó chỉ thay đổi từ khách hàng này sang khách hàng khác, cụ thể ở đây là từ châu Âu sang châu Á. Có thể nói bản đồ năng lượng thế giới cuối năm 2022 đã không còn điếm gì tương đồng với một năm trước đó.

Năm 2021, 2022, Nga là nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho châu Âu, với 2,2 triệu thùng dầu được xuất khẩu sang châu Âu mỗi ngày.

Tuy nhiên kể từ ngày 5/12, lệnh cấm nhập khẩu dầu thô của Nga qua đường biển bắt đầu có hiệu lực. Các chuyên gia tính toán lệnh cấm này sẽ cắt đứt 90% dòng chảy dầu thô của Nga vào EU. EU cũng áp trần giá dầu thô của Nga ở mức 60 USD/thùng

Để chống đỡ, Nga chuyển hướng xuất khẩu sang châu Á. Hiện 89% dầu thô của Nga đang xuất khẩu sang châu Á, chủ yếu là Trung Quốc và Ấn Độ

Để bù lại nguồn cung từ Nga, EU tìm kiếm các nhà cung cấp mới từ Mỹ và Trung Đông. Đức đã ký hợp đồng mua khí đốt kéo dài 15 năm với Qatar. Hungary cũng đang đàm phán với Qatar.

Mỹ đã nhảy vào thị trường năng lượng và được dự báo sẽ trở thành nhà xuất khẩu ròng khí tự nhiên hóa lỏng (LN) vào năm 2023. Còn trong năm 2022, Mỹ cung cấp tới hơn 50% lượng khí LNG nhập khẩu vào EU.

## - Sự phát triển của xe điện năm 2022

Năng lượng không phải là câu chuyện đơn lẻ. Khi giá xăng và giá dầu tăng lên, người dân có xu hướng tìm kiếm các phương tiện giao thông tiết kiệm hơn. Đây chính là một trong yếu tố quan trọng dẫn đến sự nổi lên của xe điện trong năm 2022.

Dù chưa kết thúc năm 2022, nhưng các dự báo đều cho thấy, thị trường xe điện sẽ tiếp tục có một năm phá kỷ lục, khi doanh số xe điện toàn cầu các quý đầu năm đều tăng trưởng 50 - 70% so với cùng kỳ năm 2021.

Dự kiến xe điện sẽ vượt mốc 5% tổng lượng xe bán ra tại Mỹ năm nay - ngưỡng được cho là bản lề để xe điện vươn lên dẫn đầu thị trường trong thời gian tới.

Trong khi đó, Trung Quốc - thị trường chiếm hơn một nửa lĩnh vực xe điện toàn cầu, cũng chứng kiến bước nhảy vọt, với dự báo khoảng 6,5 triệu xe điện bán ra trong cả năm, tăng gần gấp đôi so với năm ngoái. Các nhà sản xuất xe điện cả trong và ngoài Trung Quốc đều được hưởng lợi lớn từ hệ thống chính sách ưu đãi năng lượng xanh, đặc biệt trong bối cảnh nước này đang hỗ trợ nền kinh tế tái mở cửa sau đại dịch.

Dù vẫn còn ở quy mô khá khiêm tốn, nhưng các nước Đông Nam Á cũng đang được xem là một mục tiêu tiềm năng cho giới sản xuất xe điện. Trong năm nay, một số nhà máy xe điện mới trong khu vực của Hyundai hay SAIC Motor đã bắt đầu hoạt động. Indonesia, Thái Lan và Malaysia đều đang "trải thảm đỏ" mời gọi các hãng xe quốc tế với những chính sách thuế và trợ giá, cũng như giúp xe điện đến gần với người tiêu dùng nội địa.

## - Lạm phát ở nhiều nước tăng vọt

Một vấn đề đáng chú ý khác trong năm 2022 là tình trạng lạm phát. Cũng như xe điện, điều này có liên quan trực tiếp đến giá năng lượng. Giá năng lượng cao đã đẩy tỷ lệ lạm phát ở nhiều nước tăng vọt.

Những con số này cho thấy mức đỉnh lạm phát ở các nền kinh tế hàng đầu thế giới. Ở Mỹ, con số này là 9,1% diễn ra vào tháng 6, ở Anh tháng 10 là 11,1%, Đức là 10,4%, EU là 11,1% (tháng 11). Phần lớn các con số này đều là mức đỉnh lịch sử hoặc cao nhất trong nhiều thập niên.

Đề đối phó với lạm phát, các ngân hàng trung ương đã buộc phải nâng lãi suất, dẫn đầu bởi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Ở Mỹ, đến tháng 12/2022, lãi suất cơ bản đang nằm trong ngưỡng 4,25 - 4,5% cao nhất trong vòng 15 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2007 - 2008. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng đã kết thúc giai đoạn 15 năm lãi suất cơ bản âm hoặc bằng 0 để kích cầu nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chính 2007 và đẩy mạnh lãi suất lên mức 2,5%.

### 2.2.3.2. *Tình hình kinh tế Việt Nam 2022*

Trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát và Chính phủ kiên định với chiến lược "Sống chung an toàn, linh hoạt với COVID-19", mở cửa lại hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội, kinh tế Việt Nam năm 2022 phục hồi mạnh mẽ với nhiều điểm sáng.

***Thứ nhất, tình hình dịch bệnh kiểm soát tốt, Quốc hội và Chính phủ đã có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ phục hồi, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.*** Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, cùng sự linh hoạt trong chính sách kiểm soát dịch COVID-19 của Chính phủ giúp các hoạt động kinh tế - xã hội đã được khôi phục gần như hoàn toàn, là cơ sở cho kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ. Bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều yếu tố bất ổn, Quốc hội và Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ phục hồi, ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

***Thứ hai, lạm phát trong tầm kiểm soát.*** CPI năm 2022 tăng **3,15%**, chủ yếu do tác động của giá 3 nhóm hàng hóa - dịch vụ là giao thông tăng 14,98%, hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,69%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,11%. Tuy nhiên, so với các nước trên thế giới và trong khu vực, lạm phát của Việt Nam cơ bản trong tầm kiểm soát và trong mục tiêu của Quốc Hội, Chính phủ (khoảng 4%).

***Thứ ba, xuất, nhập khẩu tăng trưởng tích cực.*** Bên cạnh đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 732,5 tỷ USD cùng mức xuất siêu 11,2 tỷ USD (năm trước 3,32 tỷ USD) là rất ấn tượng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động bất thường với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng hoạt động kinh tế - xã hội năm 2022 của Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Đó chính là nhờ vào sự vào cuộc của cả hệ thống



chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp.

***Thứ tư, giải ngân vốn FDI khả quan.*** Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Cho thấy niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam; góp phần hỗ trợ ổn định tỷ giá và các cân đối vĩ mô khác

***Thứ năm, các tổ chức quốc tế đánh giá cao nỗ lực phục hồi, ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam.*** Theo đó, (i) Chỉ số Phục hồi COVID-19 do Nikkei công bố (tháng 10/2022) đánh giá Việt Nam xếp thứ 8/121 quốc gia, tăng 82 bậc so với tháng 1/2022; (ii) Tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P (5/2022), nâng hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ (từ mức BB), với triển vọng "Ổn định"; Moody's (9/2022) cũng đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng ổn định do đánh giá cao sức mạnh nội tại và khả năng chống chịu tốt hơn của nền kinh tế; (iii) IMF (10/2022) và World Bank (9/2022) đều có những đánh giá lạc quan, nâng triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022 (+7-7,2%), cao hơn 1 điểm % so với dự báo của 3 tháng trước đó. Cùng với chính sách phòng chống dịch và mở cửa nền kinh tế phù hợp, đang mở ra nhiều cơ hội thu hút đầu tư FDI của Việt Nam.

### ***2.2.3.3. Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam***

Tính chung cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa lập kỷ lục mới, ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước.

Xuất nhập khẩu hàng hoá được xem là một trong điểm sáng lớn nhất của kinh tế Việt Nam năm 2022. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (GSO) vừa công bố, tính chung cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa lập kỷ lục mới, ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước. Riêng quý IV/2022, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 89,5 tỷ USD, giảm 7,1% so với quý III/2022 và giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng công nghiệp

chế biến chiếm tỷ trọng cao nhất với 89%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,09 tỷ USD, tăng 6,5%, chiếm 25,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 276,76 tỷ USD, tăng 12,1%, chiếm 74,4%.

➤ **Các mặt hàng xuất khẩu**

❖ Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực

Trong năm 2022 có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 70,1%)

Bảng 2.8: Trị giá các mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ năm 2022

Tên mặt hàng	Năm 2022 (tỷ USD)	Tốc độ tăng giảm so với năm trước(%)
Điện thoại và linh kiện	59,292	3,1
Điện tử, máy tính và linh kiện	55,242	8,7
Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	45,722	19,3
Dệt, may	37,496	14,5
Giày dép	23,932	34,8
Gỗ và sản phẩm gỗ	15,857	7,1
Phương tiện vận tải và phụ tùng	12,064	13,6
Thủy sản	10,930	23,1

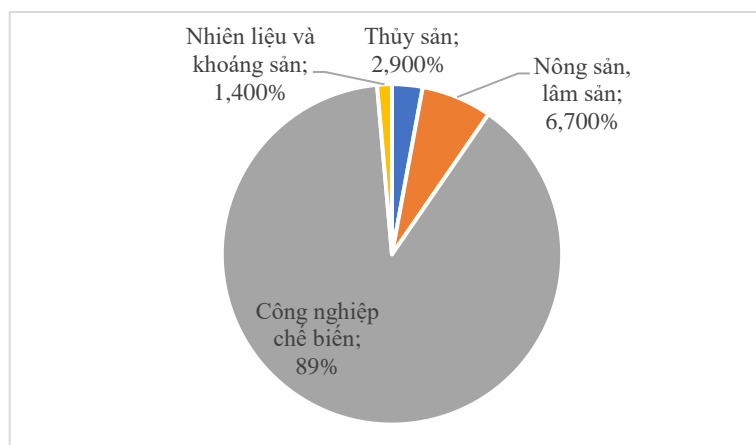
*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2022, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,4%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với năm trước; nhóm hàng công nghiệp chế

biến chiếm 89%, giảm 0,1 điểm phần trăm; nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 6,7%, giảm 0,5 điểm phần trăm; nhóm hàng thủy sản chiếm 2,9%, tăng 0,3 điểm phần trăm.

❖ *Các mặt hàng nhập khẩu*

Biểu đồ 2.10: Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2022 phân theo nhóm hàng



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Về hoạt động nhập khẩu, trong quý IV/2022, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 85,07 tỷ USD, giảm 5,8% so với quý III/2022 và giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 360,65 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước.

Đáng chú ý, có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,3% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 6 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 52,1%) gồm: Điện tử, máy tính và linh kiện; Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; Điện thoại và linh kiện; Vải; Chất dẻo; Sắt thép.

Trong năm 2022 có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,3% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 06 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 52,1%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2022, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,5%, tỷ trọng bằng năm trước, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 44,7%, giảm 1,8 điểm phần trăm; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm

48,8%, tăng 1,8 điểm phần trăm. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng chiếm 6,5%, tỷ trọng bằng năm trước.

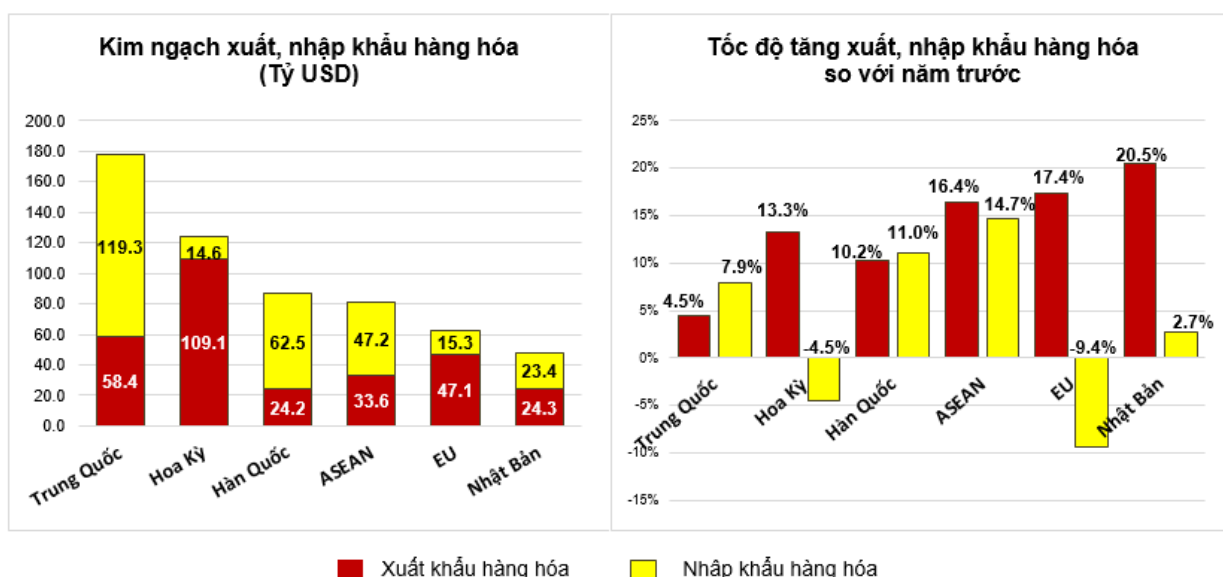
Cán cân thương mại hàng hoá năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD, trong đó có tới 10 tỷ USD là từ ngành nông nghiệp.

➤ **Thị trường xuất nhập khẩu**

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2022, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 109,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 119,3 tỷ USD.

Trong năm 2022, xuất siêu sang EU ước đạt 31,8 tỷ USD, tăng 36,8% so với năm trước; xuất siêu sang Nhật Bản 836 triệu USD (năm trước nhập siêu 2,7 tỷ USD); nhập siêu từ Trung Quốc 60,9 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ Hàn Quốc 38,3 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ ASEAN 13,6 tỷ USD, tăng 10,6%.

Hình 2.3. Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.2.3.4. *Đánh giá về hoạt động xuất nhập khẩu 2022*

❖ Những điểm tích cực

Điểm sáng của hoạt động xuất nhập khẩu cả nước trong năm qua là xuất khẩu duy trì được tốc độ tăng cao so với cùng kỳ năm trước, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn từ thị trường thế giới. Xuất khẩu tăng cao giúp cán cân thương mại duy trì vị thế xuất siêu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ ổn định tỷ giá.

Đặc biệt, một trong những điểm sáng của hoạt động xuất khẩu năm 2022 là nhóm hàng nông sản đã có sự tăng trưởng ấn tượng ở nhiều nhóm hàng như cà phê, chè, tiêu, sắn, gạo,...

Xuất khẩu gạo năm nay đạt khối lượng lớn và giá trị cao nhờ nỗ lực thay đổi cơ cấu theo hướng tăng xuất khẩu gạo thơm, gạo chất lượng cao... Đặc biệt, năm nay, Trung Quốc đã mở cửa xuất khẩu chính ngạch cho rất nhiều mặt hàng như sầu riêng, tổ yến... Ngoài ra, ta cũng đã hoàn thiện mở cửa thị trường cho mặt hàng nhãn sang Nhật Bản hoặc chanh, bưởi sang New Zealand. Đây là nỗ lực đặc biệt để đa dạng hóa thị trường cho mặt hàng nông sản. Điều này cũng phản ánh sự chuyển biến đúng hướng là tăng giá trị cho tăng trưởng nông sản xuất khẩu, khai thác tốt thị trường truyền thống và các thị trường mới, đóng góp tích cực cho tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa nói chung.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu, chiếm hơn 86% tổng kim ngạch xuất khẩu.

### **Đánh giá tác động của đại dịch COVID – 19 đến xuất nhập khẩu của Việt Nam**

Kể từ khi bùng phát đại dịch COVID-19 đến nay, hoạt động XNK của Việt Nam tiếp tục có nhiều ảnh hưởng, trong đó có thể chỉ ra một số thách thức chính sau:

- Kinh tế toàn cầu suy giảm trên diện rộng: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 sụt giảm sâu nhất kể từ sau cuộc đại suy thoái 1929-1930. Theo Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), GDP toàn cầu năm 2020 sụt giảm 4,2% so với năm 2019. Năm 2020, phần lớn các nền kinh tế, khu vực kinh tế trên toàn cầu đều tăng trưởng âm (ngoại trừ Trung Quốc, Ai Cập, Việt Nam).

Các nền kinh tế là các thị trường lớn xuất khẩu của Việt Nam đều giảm như: Tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu suy giảm 7,3%; Mỹ suy giảm 3,5%; Trung Quốc chỉ đạt mức tăng trưởng 2,3% - mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008...

- Thương mại toàn cầu thu hẹp mạnh: Xu hướng suy yếu của hoạt động thương mại toàn cầu xuất hiện trong cả hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu ở phần lớn các quốc gia trên thế giới khi nhu cầu về hàng hóa, nguyên liệu sản xuất giảm mạnh và các chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn.

Triển vọng thương mại u ám hơn tại các nước phụ thuộc vào xuất khẩu và hoạt động du lịch. Những nước xuất khẩu dầu mỏ cũng chịu cú sốc mạnh khi giá dầu giảm. Thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng bởi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, dẫn tới gia tăng bảo hộ thương mại và các rủi ro tài chính có thể trầm trọng thêm bởi đại dịch kéo dài.

- Đứt gãy chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng và xu hướng dịch chuyển đầu tư: Các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch COVID-19 bùng phát đã khiến thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, dẫn tới làn sóng phá sản DN khắp thế giới. Vì sự đứt gãy đột ngột của chuỗi cung ứng toàn cầu mà hiện tượng khan hiếm hàng hóa đã xảy ra trên toàn thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất ô tô, thiết bị y tế...

- Công nghiệp hỗ trợ còn chậm phát triển: Việt Nam chưa sản xuất được các sản phẩm đảm bảo chất lượng, quy mô để có thể tham gia được vào chuỗi cung ứng sản phẩm, linh kiện cho các DN xuất khẩu.

Do đó, các DN phải nhập khẩu nhiều các loại nguyên vật liệu, bán thành phẩm, linh kiện, thiết bị... phục vụ hoạt động sản xuất, xuất khẩu, đặc biệt là từ Trung Quốc, dẫn đến khó khăn khi chuỗi cung bị gián đoạn.

- Tranh chấp thương mại và phòng vệ thương mại: Mặc dù, Việt Nam đã và đang rất tích cực, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề trong tranh chấp thương mại, xử lý các biện pháp phòng vệ thương mại, vượt qua các rào cản thương mại của các thị trường

nhập khẩu nhưng thương mại thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với xu hướng bảo hộ thương mại ngày càng tăng.

Hiện nay, nhiều nước chuyển sang áp dụng các hình thức mới trong phòng vệ thương mại như chống lẩn tránh phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ thay vì áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại truyền thống...

- Nguy cơ từ tình trạng dịch bệnh kéo dài: Đây là nguy cơ lớn nhất và gia tăng rủi ro cho các nguy cơ vừa đề cập. Hiện nay, trước tình hình dịch bệnh phức tạp, các doanh nghiệp đã và đang phải cố gắng duy trì sản xuất nhưng vẫn đối mặt với nguy cơ các thị trường quốc tế sẽ dừng, huỷ đơn hàng để chuyển sang nước khác, đến khi dịch được kiểm soát, việc nối lại các mối quan hệ kinh doanh sẽ rất khó khăn và cần phải có quá trình.

Dưới những tác động tiêu cực, khó khăn của đại dịch COVID – 19, xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 3 năm nay vẫn luôn có những con số ấn tượng, liên tiếp phá kỷ lục 100 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2021, 2022.

Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng; hàng nhập khẩu giảm tỷ trọng hàng tiêu dùng.

Thị trường xuất nhập khẩu ba năm qua có nhiều biến động, nhưng nhìn chung Việt Nam vẫn duy trì được các thị trường lớn. Ngoài ra nhờ sự khai thác các FTA hiệu quả, nước ta đã đa dạng hóa được thị trường giao dịch, mở rộng và phát triển nhiều thị trường tiềm năng. Điều này cũng góp phần không nhỏ vào tăng trưởng xuất nhập khẩu.

## **CHƯƠNG III: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CHO XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **3.1. Các thách thức**

*Thách thức đầu tiên* của xuất khẩu 2023 đã bộc lộ rõ từ những tháng cuối năm 2022, đó là tình trạng thiếu đơn hàng - khi rất nhiều đơn hàng xuất khẩu của hầu hết các ngành hàng tiêu dùng bị cắt giảm, hoãn/hủy và nhiều doanh nghiệp không ký được đơn hàng mới - bởi áp lực lạm phát từ nhiều quốc gia, trong đó có những đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Dệt may, da giày là những ngành hàng chịu tác động nhiều nhất.

*Thách thức thứ 2* là áp lực tài chính đối với doanh nghiệp xuất khẩu. Tình trạng thiếu vốn, tiếp cận vốn khó khăn do áp lực lãi vay tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng, chi phí nguyên vật liệu đầu vào vẫn tăng và đứng ở mức cao, trong khi các doanh nghiệp đa phần khó khăn do phải chống chịu với các tác động, ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 suốt hơn 2 năm qua.

Cùng với đó là các thách thức cộng thêm đối với doanh nghiệp sản xuất chế biến hàng các mặt hàng nông sản/thủy sản xuất khẩu - khi mà yêu cầu về chất lượng hàng hoá xuất khẩu vào các thị trường đối tác ngày càng đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn; Nhất là để có thể tận dụng được các ưu đãi thuế quan tại những thị trường mà Việt Nam đã ký các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao như EVFTA (Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - Liên minh châu Âu), UKVFTA (Hiệp định thương mại giữa Việt Nam với Vương Quốc Anh và Bắc Ailen) và CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương).

*Thách thức 3* là vấn đề khối doanh nghiệp FDI ngày càng chiếm ưu thế trong kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam, nhất là trong năm 2022 vừa qua, tỷ trọng xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp FDI lên tới trên 74%. Điều này thể hiện nhiều thông điệp. Một là khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước khai thác các lợi thế từ các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết trong thời gian vừa rồi không tốt bằng các doanh nghiệp FDI. Doanh nghiệp chưa được khai mở nhiều từ việc chúng ta khai mở các thị trường quan trọng này. Điểm thứ 2, có thể mức độ chuyển dịch lên chuỗi cao hơn, nấc cao hơn thì doanh nghiệp trong nước chậm hơn các doanh nghiệp FDI.



*Thách thức thứ tư* là vấn đề thị trường bị thu hẹp. Một số mặt hàng chủ lực xuất khẩu của ta sang thị trường EU, Mỹ đang đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ. Thị trường châu Âu đang dựng lên các rào cản kỹ thuật liên quan đến môi trường, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh... khiến doanh nghiệp bị động và gặp nhiều bất lợi trong tiếp cận thị trường. Hàng Việt Nam đang phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm xuất khẩu cùng loại của Trung Quốc trên thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản, Đông Á... do Trung Quốc nới lỏng chính sách tiền tệ, đồng nhân dân tệ giảm giá mạnh khiến giá hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc rẻ hơn.

*Thách thức thứ năm*, cần linh hoạt có kịch bản ứng phó với sự biến động của thị trường. Năm 2023, Bộ Công thương tiếp tục duy trì giao ban xúc tiến thương mại của hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài với địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và các đơn vị, tổ chức liên quan hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về thị trường, những chính sách, quy định mới về thị trường và các khuyến nghị kịp thời cho các doanh nghiệp.

Bộ cũng đôn đốc tham tán thương mại chủ động các biện pháp ứng phó với sự biến động của thị trường thông qua việc thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin thị trường, điều chỉnh kế hoạch xuất nhập khẩu nhằm tận dụng các cơ hội thị trường mới và tránh được các rủi ro, đặc biệt là các ảnh hưởng tác động từ sự điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ của các nước.

### **3.2. Cơ hội**

#### *❖ Cơ hội xuất khẩu trực tuyến cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển mạnh*

Với những cú sốc dai dẳng của đại dịch, càng nhiều doanh nghiệp đã, đang và sẽ chuyển sang kỹ thuật số. Sự ổn định tương đối của hoạt động bán hàng kỹ thuật số sẽ là điều mà nhiều công ty cần để duy trì hoạt động trong năm tới. Xu hướng này cũng ẩn chứa ý nghĩa là những người bán hàng trực tuyến B2B có thể sẽ chứng kiến sự cạnh tranh lớn hơn vào năm tới. Khi dịch chuyển sang kỹ thuật số, tiếp thị kỹ thuật số luôn là một sức hút lớn đối với các công ty, đặc biệt là khi có tới 93% các tương tác trên internet diễn ra thông qua các công cụ tìm kiếm.

Theo đó, với tiếp thị kỹ thuật số, những người mới gia nhập thị trường có thể bắt đầu hành động ngay lập tức để giành được một phần trong những tương tác đó. Ngoài

ra còn có khả năng số lượng các công ty sử dụng các công cụ kỹ thuật số cho mục đích quản trị cũng sẽ gia tăng.

Hiện tại, trên nền tảng Alibaba.com, hơn 70% nhà cung cấp tại Việt Nam được đánh giá từ 2 sao trở lên, với các ngành hàng cốt lõi bao gồm Thực phẩm & Đồ uống, Nông nghiệp, Nhà cửa và Vườn tược và các ngành hàng khác.

Để thể thành công trên nền tảng trực tuyến, nhà bán hàng cần có kỹ năng đàm phán tốt, tác động xuất xứ quốc gia rõ rệt và số lượng đặt hàng tối thiểu thấp. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào vận hành nền tảng là điều cần thiết giúp nhà bán hàng tiếp cận nhiều khách hàng hơn. Hoạt động hằng ngày hiệu quả cho phép nhà bán hàng đảm bảo nhiều đơn đặt hàng hơn.

#### ❖ *Xuất khẩu sang các thị trường mới tăng đến 30%*

Năm 2022, xuất khẩu sang thị trường các nước có quan hệ thương mại tự do theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đều có mức tăng trưởng trên 20%, thậm chí có một số thị trường trên 30%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung. Nhiều mặt hàng nông nghiệp có giá trị gia tăng cao như rau quả tươi, rau củ quả chế biến, gạo, thủy sản, đã khai thác tốt cơ hội tại các thị trường FTA mới. Thêm nữa, đây đều là các thị trường thuộc loại “khó tính” nên việc hàng hóa của Việt Nam tìm được chỗ đứng đã cho thấy năng lực cạnh tranh quốc gia, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp, đã có những bước cải thiện, giúp Việt Nam từng bước khai thác hiệu quả hơn các FTA thế hệ mới”.

#### ❖ *Trung Quốc mở cửa biên giới*

Thông tin Trung quốc đang dần nới lỏng các biện pháp phòng dịch trong nước, dự kiến sẽ mở cửa biên giới từ 8/1/2023 và có thể mở hoàn toàn nền kinh tế vào quý 2 năm tới. Điều này dự báo không chỉ tác động tích cực đến các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu vào nước này, mà tình trạng chuỗi cung ứng của nhiều ngành sản xuất cũng có thể bớt căng thẳng.

Thủy sản được xem là ngành có lợi lớn khi Trung Quốc mở cửa thị trường. Nhận định này được đưa ra từ thực tế việc xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn tăng trưởng trong

suốt 2 năm chịu tác động vì dịch bệnh và chính sách thắt chặt kiểm dịch. Chính vì vậy, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đánh giá nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng khi việc đi lại tại nước này cũng được nới lỏng. Dự báo, kim ngạch sẽ còn tăng trong năm sau.

❖ *Tận dụng FTA - mở rộng “cánh cửa” cho ngành dệt may*

Bước sang năm 2023, thị trường còn nhiều biến động và khó khăn. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu ngành dệt may đề ra trong năm 2023, từ 45 đến 48 tỷ USD, chúng tôi tiếp tục chủ động tận dụng hiệp định thương mại tự do (FTA) mở rộng “cánh cửa” cho ngành dệt may...; trong đó, duy trì thị phần tại thị trường lớn như Hoa Kỳ, tận dụng ưu đãi từ EVFTA. Với Hiệp định EVFTA, 100% hàng dệt may của Việt Nam sẽ được giảm thuế nhập khẩu về 0% sau tối đa 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

Cụ thể, theo thống kê của Bộ Công thương đối với dệt may, EU sẽ xóa bỏ thuế quan với 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 năm và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ thuế sau 7 năm. Đây được coi là cơ hội vàng cho ngành may mặc Việt Nam khi vào thị trường 27 nước thành viên EU.

## **CHƯƠNG IV: GIẢI PHÁP PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU SAU ĐẠI DỊCH COVID - 19**

### **4.1. Mục tiêu**

Mục tiêu đặt ra cho tăng trưởng xuất nhập khẩu giai đoạn tiếp theo là xuất nhập khẩu phát triển bền vững với cơ cấu cân đối, hài hòa, phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh, phát triển thương hiệu hàng hóa Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực của tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Cụ thể:

Xuất nhập khẩu tăng trưởng ổn định, cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 6-7%/năm và nhập khẩu hàng hóa bình quân tăng 5-6%/năm trong giai đoạn 2021-2030. Cân bằng cán cân thương mại trong giai đoạn 2021-2025, tiến tới duy trì thặng dư thương mại bền vững giai đoạn 2026-2030; hướng đến cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý với các đối tác chủ chốt.

Xuất nhập khẩu cần phát triển bền vững với cơ cấu mặt hàng, cơ cấu thị trường cân đối, hài hòa. Hướng đến tăng chất lượng và trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu bằng cách gia tăng tỷ trọng xuất nhập khẩu tại những thị trường khó tính như Âu - Mỹ. Theo đó, tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu lên 88% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; trong đó, tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghệ trung bình và cao đạt khoảng 65% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030. Tăng tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực châu Âu lên 16-17% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 18-19% vào năm 2030; khu vực châu Mỹ lên 32-33% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2025 và 33-34% vào năm 2030; tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực châu Á vào khoảng 49-50% vào năm 2025 và 46-47% vào năm 2030. Đồng thời, tăng tỷ trọng thị trường nhập khẩu từ khu vực châu Âu lên 8-9% tổng kim ngạch nhập khẩu vào năm 2025 và 10-11% vào năm 2030; khu vực châu Mỹ lên 8-9% tổng kim ngạch nhập khẩu vào năm 2025 và 10-11% vào năm 2030; giảm tỷ trọng thị trường nhập khẩu từ khu vực châu Á xuống khoảng 78% tổng kim ngạch nhập khẩu vào năm 2025 và 75% vào năm 2030.

Đối với ngành hàng, một số nhóm hàng là thế mạnh của Việt Nam đã được nhấn mạnh với những định hướng cụ thể như:

Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản cần tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu, có giá trị kinh tế cao; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường; chủ động thích ứng và vượt qua các rào cản thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại ở thị trường ngược ngoài.

Nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo cần gia tăng giá trị nội địa trong hàng hóa xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện nhập khẩu; tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế tạo công nghệ trung bình và công nghệ cao; nâng nhanh tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ, hàm lượng đổi mới sáng tạo cao. Đặc biệt, các mặt hàng thâm dụng tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường không khuyến khích phát triển sản xuất và xuất khẩu mà cần chú trọng đầu tư phát triển xuất khẩu các sản phẩm kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

Lộ trình phát triển hàng hóa xuất khẩu được chia theo 2 giai đoạn:

Giai đoạn 2021-2025, nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản, thủy sản chủ lực có lợi thế sản xuất, xuất khẩu, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng nông sản Việt; nâng cao giá trị gia tăng cho những mặt hàng thâm dụng lao động và có tính cạnh tranh cao như dệt may, da giày, điện tử, các sản phẩm công nghệ chế tạo công nghệ trung bình.

Giai đoạn 2026-2030, phát triển các mặt hàng mới có giá trị gia tăng cao, hàng nông sản, thủy sản chế biến sâu; hàng công nghệ chế tạo trung bình và công nghệ cao, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Trong khi đó, định hướng cho hàng hóa nhập khẩu có chú trọng việc kiểm soát chất lượng hàng hóa, kiểm soát nhập khẩu các loại hàng hóa trong nước sản xuất được, hàng xa xỉ và không thiết yếu. Tăng tỷ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất tiên tiến từ các nước có nền công nghiệp phát triển, nhất là công nghệ cao, công nghệ nguồn, tiếp thu thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo tiền đề nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu và thực hiện chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo chiều sâu.

Thị trường xuất nhập khẩu cần đa dạng hóa, tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực, hướng đến cán cân thương mại song phương lành mạnh, hợp lý, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN... Đẩy mạnh khai thác các thị trường còn tiềm năng như Hoa Kỳ, Nga, Đông Âu, Bắc Âu, Ấn Độ, châu Phi, Trung Đông và châu Mỹ Latinh..., hướng đến xây dựng các khuôn khổ thương mại ổn định, lâu dài. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu thị trường nhập khẩu theo hướng giảm tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ thấp, công nghệ trung gian, tăng tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn.

## **4.2. Các giải pháp phục hồi và phát triển hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sau đại dịch COVID – 19**

### **4.2.1. Các giải pháp từ phía cơ quan quản lý và Nhà nước**

Để tiếp tục thúc đẩy xuất nhập khẩu phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bộ phận quản lý và Nhà nước cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

**Một là**, tiếp tục đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến thương mại, ưu tiên nguồn lực cho phát triển thương mại điện tử, góp phần phát triển chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa trong và ngoài nước, tích cực hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật để doanh nghiệp thâm nhập vào các thị trường mới, cảnh báo sớm các nguy cơ vụ kiện phòng vệ thương mại cho các doanh nghiệp.

**Hai là**, cần phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Trong đó, điểm mới là các giải pháp xúc tiến nhập khẩu và việc xem xét hạ dần hàng rào bảo hộ để tạo sức ép cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành, cạnh tranh với hàng nhập khẩu; đổi mới, đa dạng hóa các phương thức xúc tiến thương mại phục vụ xuất nhập khẩu thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

**Ba là**, những biến động của kinh tế thế giới trong năm 2023 có thể tiếp diễn. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động đánh giá các tác động đến xuất nhập khẩu của Việt Nam để kịp thời có sự điều chỉnh, ứng phó thích hợp. Việc thông tin dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới, các chính sách, quy định mới của các quốc gia là thị trường lớn của hàng hóa Việt Nam cần tiếp tục được tăng cường nhằm giúp các doanh nghiệp có phản ứng kịp thời.

**Bốn là**, tiếp tục đẩy mạnh việc đơn giản hóa thủ tục xuất - nhập khẩu, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến gắn với thương mại điện tử, đồng thời phải kiểm soát chặt chẽ tránh trục lợi, gian lận nhằm tạo điều kiện hơn nữa cho các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu tham gia hoạt động thương mại.

**Năm là**, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến tích cực và cung cấp thông tin cần thiết cho doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động logistics, hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp cũng như đảm bảo quản lý nghiêm ngặt để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn mà các thị trường quốc tế yêu cầu.

**Sáu là**, thúc đẩy phát triển sản xuất (bao gồm sản xuất công nghiệp và nông nghiệp), tạo nguồn cung bền vững cho xuất khẩu. Trong nội dung về phát triển sản xuất nông nghiệp, điểm mới là “Phát huy vai trò của địa phương trong lựa chọn loại nông sản thích hợp để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch; xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm chủ lực, nông sản đặc trưng, phát triển thương hiệu đi cùng với các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.”

**Bảy là**, hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý nhà nước trong tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi thương mại, chống gian lận thương mại và hướng tới thương mại công bằng. Đây là nhóm giải pháp mới so với Chiến lược thời kỳ 2011-2020. Tiếp tục hoàn thiện các thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong thời kỳ dịch bệnh; tận dụng triệt để các lợi thế về các hàng rào thuế quan và phi thuế quan để hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu đến các đối tác thuận lợi và dễ dàng hơn; thực hiện các cải cách hành chính để giảm thiểu độ công kênh của các thủ tục hải quan; đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch

phát triển và lưu thông thương mại biên giới trên cơ sở hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cấp các cơ sở hạ tầng ở các cửa khẩu biên giới, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tìm hiểu thị trường, tiếp cận các đối tác. Bên cạnh đó, chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các đối tác mới thay cho các đối tác truyền thống trước đây đang bị ảnh hưởng mạnh của đại dịch.

**Tám là,** huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển xuất khẩu, nâng cấp cơ sở hạ tầng kho vận, giảm chi phí logistics. Trong các nguồn lực cho phát triển xuất khẩu, Chiến lược quan tâm đến chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Theo đó, bổ sung giải pháp: “Xây dựng, hoàn thiện các bộ chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng cho nhân lực các ngành, nghề sản xuất hàng xuất khẩu theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn các nước phát triển trên thế giới. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu từ khâu xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và tạo việc làm.”

**Chín là,** xây dựng các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất để tạo ra những sản phẩm có giá cạnh tranh, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu; Duy trì và tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng và minh bạch, ổn định chính trị, tập trung chống dịch hiệu quả; Chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản có thể mạnh và các mặt hàng chủ lực của Việt Nam như dệt may, giấy da... sang các thị trường mới.

**Mười là,** quản lý và kiểm soát nhập khẩu đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất trong nước và hướng đến cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý. Theo đó, Chiến lược bổ sung các giải pháp về xúc tiến nhập khẩu từ một số đối tác trọng điểm, thay vì chỉ theo hướng quản lý và kiểm soát nhập khẩu, hạn chế nhập siêu như trong các giai đoạn trước.

**Mười một là,** nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp hạt nhân, thúc đẩy hình thành các chuỗi giá trị xuất khẩu quy mô lớn. Điểm mới của nhóm giải pháp là vai trò của các doanh nghiệp hạt nhân được đề cập và chú trọng.



#### **4.2.2. Các giải pháp cho doanh nghiệp**

Quá trình phục hồi và phát triển xuất nhập khẩu của Việt Nam ngoài các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện từ Nhà nước thì cũng cần sự nỗ lực không nhỏ của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu để đạt được những kết quả tích cực nhất. Để góp phần thúc đẩy tăng trưởng của xuất nhập khẩu Việt Nam trong thời gian tới và giải quyết các thách thức, doanh nghiệp Việt Nam cần tích cực thực hiện các giải pháp sau:

**Một là**, các doanh nghiệp cần tìm hiểu và nghiên cứu kỹ thị trường xuất nhập khẩu, có sự chuẩn bị chu đáo và kỹ lưỡng khi tham gia các thị trường ngoại thương nhằm đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu thông suốt, hạn chế rủi ro dẫn đến kết quả không tốt trong hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các thị trường và hiểu rõ các rào cản gia nhập đối với từng hàng hóa dịch vụ trên từng thị trường để chuẩn bị các điều kiện cần thiết về sản phẩm, các minh chứng, giấy tờ pháp lý cho phù hợp, hạn chế những xung đột và rủi ro phát sinh. Không ngừng tìm hiểu và thực hiện.

**Thứ hai**, không ngừng nỗ lực nâng cao nhận thức, thay đổi tập quán kinh doanh. Doanh nghiệp cần sẵn sàng chấp nhận, làm quen với cái mới, cũng như thích ứng với nó để phát triển thông qua các biện pháp như điều chỉnh sản xuất, chất lượng dịch vụ để phù hợp với thị hiếu, sở thích của nhiều thị trường trên quốc tế.

**Thứ ba**, để có thể xuất khẩu trong bối cảnh mới, các doanh nghiệp xuất khẩu cần tái cấu trúc toàn bộ hoạt động. Thời cơ từ các FTA không kéo dài nên các doanh nghiệp Việt Nam phải nhanh chóng tận dụng để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa. Và để tái cấu trúc doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp cần lưu ý về việc xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng mặt hàng cụ thể, từng thị trường mục tiêu. Doanh nghiệp nên lựa chọn phân khúc thị trường và kênh phân phối phù hợp với sản phẩm và quy mô của doanh nghiệp song song với việc chú trọng tìm hiểu thị hiếu, xu hướng và đặc trưng thị trường, thông qua các hội thảo quốc tế, các hội chợ - triển lãm quốc tế.

**Thứ tư**, các doanh nghiệp cần chú trọng tăng cường chất lượng và giá trị hàng hóa dịch vụ xuất nhập khẩu bên cạnh phát triển về số lượng và doanh số để phát triển thương hiệu sản phẩm, nâng cao uy tín xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Các ngành kinh tế trong nước cần có sự phối hợp để tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có chất lượng cao,

đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường, gia tăng giá trị hàng hóa. Kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình xuất nhập khẩu tránh trà trộn hàng kém chất lượng dẫn đến ảnh hưởng tới uy tín thương hiệu của doanh nghiệp. Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất nông sản xuất khẩu, các doanh nghiệp cần hoàn thiện tổ chức lại sản xuất, phát triển theo chuỗi giá trị hướng về xuất khẩu. Tận dụng các ưu đãi và chính sách hỗ trợ xúc tiến theo các chương trình của chính phủ như OCOP,... đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, sản xuất sạch,... Áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn xuất khẩu như tiêu chuẩn về kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường,...

**Thứ năm,** tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa dịch vụ xuất nhập khẩu. Khoa học công nghệ sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, tận dụng những lợi ích mà khoa học công nghệ mang lại để đẩy nhanh tốc độ phát triển của doanh nghiệp cũng như thích ứng với nền kinh tế số, giảm những rủi ro về dịch bệnh, thời tiết, thị trường hiện nay. Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong quá trình sản xuất hàng hóa dịch vụ, trong quá trình quản lý, kinh doanh phát triển chuỗi, trong mọi hoạt động của doanh nghiệp. Lựa chọn ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu sản xuất sản phẩm và tình hình thực tế. Thêm vào đó, trong bối cảnh nhiều biến động về kinh tế, chính trị và ảnh hưởng từ dịch bệnh, khoa học công nghệ và công nghệ thông tin là giải pháp tối ưu giúp cho nhiều doanh nghiệp duy trì hoạt động và phát triển kinh doanh chiếm lĩnh thị phần. Thực tế cho thấy những doanh nghiệp có sự sẵn sàng cao trong chuyển đổi và thích ứng với công nghệ số sẽ có những ưu thế vượt trội trong phát triển hoạt động kinh doanh, và có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn các doanh nghiệp cùng ngành khác không hoặc ít ứng dụng công nghệ. Để tận dụng những tiện ích từ sự phát triển công nghệ trong hoạt động xuất nhập khẩu. Các doanh nghiệp cần chuẩn bị nguồn lực đầu tư về cả vốn, trang thiết bị và nhân lực để vận hành những công nghệ này.

**Thứ sáu,** nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin cho người lao động nhằm tạo ra một đội ngũ lao động đáp ứng đầy đủ yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối

cạnh khoa học công nghệ phát triển mạnh và mức độ cạnh tranh trên thị trường thế giới ngày càng cao, giúp cho doanh nghiệp thích ứng tốt hơn với những biến động rủi ro từ dịch bệnh và bất ổn khác. Khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề, năng lực sử dụng ngoại ngữ và tin học trong hoạt động xuất nhập khẩu. Đối với doanh nghiệp sản xuất cần bồi dưỡng những hiểu biết về khoa học kỹ thuật, yêu cầu chất lượng sản phẩm, các quy định và yêu cầu của hàng hóa xuất khẩu... cho người lao động. Nếu doanh nghiệp có được đội ngũ lao động tốt, không những doanh nghiệp có thể phát triển nhanh mà còn có thể tìm thấy những cơ hội tiềm ẩn ngay trong những bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

**Thứ bảy**, xây dựng đội ngũ nhân sự pháp lý đáp ứng một số yêu cầu chuyên môn như: am hiểu pháp luật thương mại quốc tế nói chung, đặc biệt là hiểu rõ về cam kết của các Hiệp định Thương mại cụ thể. Đồng thời, nắm rõ các thông tin liên quan trực tiếp tới doanh nghiệp của mình, bao gồm: Mặt hàng thế mạnh của doanh nghiệp mình là gì, thuế nhập khẩu đối với mặt hàng đó vào thị trường là bao nhiêu, doanh nghiệp cần xin C/O form gì hay có quy định gì đặc biệt về mặt hàng đó hay không, v.v.. Với đội ngũ nhân sự pháp lý có chuyên môn như vậy, doanh nghiệp mới có thể tận dụng được cơ hội từ các Hiệp định Thương mại một cách tối ưu.

**Thứ tám**, các doanh nghiệp tăng cường các mối liên kết trong sản xuất kinh doanh để tạo ra sự ổn định nguồn hàng hóa xuất nhập khẩu, tăng khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần tăng cường các mối liên kết giữa khâu sản xuất - vận chuyển – khâu chế biến – tiêu thụ, giữa doanh nghiệp sản xuất cung ứng nguyên phụ liệu với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng,... giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Các doanh nghiệp cần nghiên cứu lựa chọn phát triển các kênh phân phối cho phù hợp với đặc thù thị trường, đặc thù hàng hóa và đặc thù tình hình thực tế về dịch bệnh hiện nay.

## KẾT LUẬN

Mặc dù hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt được một số kết quả nhất định, nhưng vẫn luôn tiềm ẩn những khó khăn có thể ập đến bất cứ lúc nào khi dịch COVID-19 vẫn là một nguy cơ tiềm ẩn đối với toàn thế giới. Hoạt động xuất nhập khẩu đã phải đối diện với nhiều rào cản như việc vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn, nhiều chuỗi cung ứng bị gián đoạn, nhu cầu thị trường chưa hồi phục đồng đều. Bên cạnh đó là những chi phí đầu vào như logistics, nguyên liệu nhập khẩu tăng cao; các thị trường xuất khẩu nông, thủy sản liên tục đưa ra những thay đổi trong quy định chứng nhận an toàn thực phẩm,...

Do đó, từ những ngày đầu khi xuất hiện dịch bệnh, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan đã liên tục đưa ra những khuyến cáo đối với các cơ quan, doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu cần nhận thức rõ được những tác động của đại dịch diễn biến trên thị trường thế giới để có thể tranh thủ khai thác hết cơ hội, tiếp tục duy trì được thế mạnh xuất khẩu. Cho dù dịch bệnh có thể thuyên giảm thì tác động của nó vẫn còn lâu dài, thị trường chưa thể hồi phục nhanh chóng, vì vậy doanh nghiệp phải tiếp tục sử dụng các công cụ phát triển thị trường như các kênh tiếp thị trên môi trường số. Đồng thời, các doanh nghiệp cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như khả năng thích ứng để vượt qua mọi khó khăn.

Để hoạt động xuất nhập khẩu bền vững trong bối cảnh hội nhập, trong bối cảnh Việt Nam đã tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do, các lĩnh vực sản xuất, chế biến trong nước cần phải tiếp tục đổi mới, doanh nghiệp trong nước cần có những chuyển đổi mạnh về cơ cấu ngành hàng cũng như nâng cao chất lượng, đổi mới quy trình xúc tiến thương mại cho phù hợp với tình hình mới.

Tóm lại, công cuộc phục hồi và phát triển kinh tế nói chung và các hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng là một quá trình dài cần có sự góp sức và nỗ lực của cả các cơ quan quản lý, các bộ ngành liên quan và các doanh nghiệp chung tay đưa các chỉ số kinh tế trở về và phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn tiếp theo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo xuất nhập khẩu các năm 2019, 2020, 2021, Bộ Công Thương;
2. Vũ Thị Giang, Tác động của đại dịch COVID-19 đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam, Tạp chí Công Thương;
3. Tổng cục Thống kê, Số liệu xuất nhập khẩu các tháng năm 2022, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/03/so-lieu-xuat-nhap-khau-cac-thang-nam-2022/>
4. Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2022, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2022/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>
5. Nguyễn Quang Thuần (2020), Tác động của đại dịch COVID-19 và một số giải pháp chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn tới. Tạp chí Cộng sản,
6. Kinh tế Việt Nam khép lại năm 2022 với nhiều con số ấn tượng, Báo Điện tử VTV, [tv.vn/kinh-te/kinh-te-viet-nam-khep-lai-nam-2022-voi-nhieu-con-so-an-tuong-20221231095526904.htm](http://tv.vn/kinh-te/kinh-te-viet-nam-khep-lai-nam-2022-voi-nhieu-con-so-an-tuong-20221231095526904.htm)